SỐ 2085

TRUYỆN CAO TĂNG PHÁP HIỂN

Thời Đông Tấn, Sa-môn Thích Pháp Hiển
tự ghi mọi sự trong chuyến vân du Tây vức.

Ngày trước, khi đang ở Trường An, ngài (Pháp Hiển) bùi ngùi nghĩ đến sự suy tàn và khuyết thiếu của Luật tạng. Năm Kỷ Hợi (399) tức năm Hoảng thỉ thứ hai, Ngài cùng các Sa-môn Tuệ Cảnh, Đạo Chỉnh, Tuệ Ứng, Tuệ Ngồi..., là đồng bạn đi Thiên trúc tìm cầu giới Luật.

Mới đầu, phát xuất từ Trường An, vượt qua đất Lũng đến nước Càn Quy, dừng lại an cư Kiết Hạ. Sau khi mãn Hạ, các ngài đến nước Nhục Đàn, vượt qua núi Dưỡng Lâu đến trấn Trương Dịch, tại Trương Dịch loạn lạc, đường sá tắt nghẻn, vua Trương Dịch ân cần lưu giữ ở lại và phát tâm lâm Đàn Việt. Ở đó, ngài gặp lại các Sa-môn Trí Nghiêm, Tuệ Giản, Tăng Thiệu, Bảo Vân, Tăng Cảnh..., vô cùng vui mừng bởi đồng chí hướng, các Ngài bèn ở lại An cư Kiết Hạ. Sau khi mãn Hạ, lại tiếp tục đến Đôn Hoàng, có một vùng ven từ đông sang tây dài tám mươi dặm, từ nam đến bắc bốn mươi dặm. Các ngài cùng nhau dừng lại hơn một tháng. Ngài ..., cả thảy năm người theo Kẻ Sử dẫn đường đi trước, lại cùng các Sa-môn Bảo Vân ..., giả biệt nhau tại Đôn Hoàng. Thái Thú Lý Hạo cung cấp môi thứ để vượt qua sông Cát. Trong sông cát có nhiều ác quỷ, gió nóng. Nếu gặp phải đều phải chết, không một ai được toàn mạng, trên không chim bay, dưới không thú chạy. Trông khắp hết tầm mắt muốn định hướng để vượt qua thì trọn không nơi phỏng định, chỉ lấy cốt xương khô của người đã chết để làm mốc hiệu. Đi suốt mười bảy ngày được khoảng một ngàn năm trăm dặm thì đến được nước Thiện Thiện. Đất Xử đó đồi núi gập ghềnh xấu kém, con người ăn mặc thô sơ đồng như tại đất Hán (Trung Hoa), chỉ có giạ bện

vãi thô là khác. Vua Xử đó kỉnh phụng Phật Pháp, chư Tăng có hơn bốn ngàn vị đều học theo Pháp Tiểu thừa. Người thế tục và Sa-môn ở các nước đều thực hành theo pháp của Thiên trúc, chỉ có sự tinh thô khác nhau. Từ đó, theo hướng tây trãi qua các nước đại loại đều như vậy. Chỉ có mỗi mỗi nước nói tiếng Hồ chẳng đồng. Nhưng người xuất gia đều tập học theo sách Thiên Trúc, nói tiếng Thiên Trúc. Nghỉ ở lại đó một tháng, lại theo hướng tây bắc đi suốt mười lăm ngày đến nước Ô Di. Tại nước Ô Di, Tăng chúng cũng có hơn bốn ngàn vị đều học theo pháp Tiểu thừa, phép tắc rất tề chỉnh. Các Sa-môn ở đất Tần sang đó đều chẳng dự hàng chúng Tăng. Ngài cùng gặp lại các Sa-môn Bảo Vân...tại nước Ô Di. Dân chúng ở đó chẳng tu lễ nghĩa nêu đối đải với khách rất lạnh dạt. Các Sa-môn Trí Nghiêm, Tuệ Giản, Tuệ Ngôi bèn trở hướng đến cao xương muốn tìm kiếm tư lương hành trang. Ngài... được Phù Công Tôn cung cấp nên cứ thẳng hướng đến tây nam. Giữa đường đi không có dân chúng ở nên trãi qua lắm gian nan. Mọi nỗi khổ giẫm trãi, lẽ đời khó sánh, phải suốt một tháng năm ngày mới đến được nước Vu Điền.

Đất nước Vu Điền rất phong phú, dân chúng hưng thạnh đông đốc và đều kính phụng Phật Pháp, lấy Pháp lạc để cùng vui. Chư Tăng có vài muôn người, phần nhiều là học theo Pháp Đại thừa, đều có chúng thực. Dân chúng nước đó sống về ban đêm, trước mỗi mỗi cửa nhà đều có tạo dựng một ngôi tháp nhỏ, ngôi nào nhỏ nhất cao khoảng hai trượng, xây phòng Tứ phương Tăng để tiếp đãi cung cấp khách Tăng, ngoài ra mọi sự cần thiết đều do Quốc chủ sắp xếp cung cấp. Ngài... ở lại trong một Tăng-già lam tên là Cù Ma Đế, đó là chùa Phật giáo Đại Thừa. Có đến ba ngàn vị Tăng, cùng đánh kiền chuý mà thọ thực, lúc vào Trai đường, oai nghi tề chỉnh theo thứ tự mà ngồi, tất cả đều im lặng, không có tiếng muỗng bát va chạm, các hàng Tịnh nhân dùng thức ăn, không mở lời kêu bảo chỉ đứ tay làm dấu hiệu. Các Sa-môn Tuệ Cảnh, Tuệ Chỉnh, Tuệ Đạt đi trước đến nước Kiệt Xoa, còn Ngài ... vì muốn xem biết pháp hành tượng nên dừng ở lại ba tháng. Trong nước Vu Điền có bốn ngôi già Lam lớn, còn chùa nhỏ thì nhiều vô số. Từ ngày mồng một tháng bốn, trong thành lo việc quét tước sửa sang đường sá đến cả các nhỏ hẻm, trên cửa Thành đô nhăng treo màn trưởng lớn, mọi sự đều nghiêm sức. vua và Phu nhân Thể nữ đều ở bên trong. Chư Tăng ở chùa Cà Ma Đế đều học theo Pháp Đại Thừa, rất được vua kính trọng. Việc đầu tiên rong Pháp Hành tượng là cách Thành khoảng ba đến bốn dặm làm bốn xe luân tượng cao hơn ba thước, tưởng trạng như

Điện đang đi, dùng bảy món báu để trang nghiêm, treo các phan lọng. Tôn tượng đứng ở trong xe, có hai vị Bồ-tát đứng hầu, làm các trời theo hầu, đều dùng vàng bạc khắc chạm ánh ở treo giữa không trung. Tôn tượng đến cách cửa chừng trăm bước, vua cởi bỏ mũ Trời đổi mẫc áo mới, đi chân không, tay bưng hoa hương chắp cánh theo ra cửa Thành để nghinh đón Tôn tượng, đem cả đầu mặt đảnh lể sát chân Tôn tượng, rãi hoa đốt hương. Lúc Tôn tượng vào Thành, Phu nhân đứng trên cửa lầu cùng với thể nữ từ xa tung rãi các thứ hoa lẫn lộn rơi xuống. Cúng dường đầy đủ trang nghiêm như thế mỗi mỗi xe mỗi khác. Một ngôi Tăng già Lam thì một ngày hành Tượng. Từ ngày mồng một tháng bốn là bắt đầu và kết thúc vào ngày mười bốn tháng bốn. Sau khi lễ pháp hành tượng xong xuôi, vua cùng Phu nhân mới trở về trong cung, ở phái tây thành đô cách chừng tám dặm có một ngôi già Lam tên là chùa Vương Tân. Từ khi khởi công làm suốt tám năm trãi qua ba đời vua mới hoàn thành, cao hai mươi lăm trượng, khắc chạm điêu văn, vàng bạc phủ trên, các món báu hợp thành. Phía sau Tháp là điện Phật trong nghiêm diệu hảo, rường cột cửa nẻo đều dùng vàng phết mỏng, riêng làm Tăng phòng cũng oai nghiên tráng lệ chỉnh trang, không lời nào có thể diễn tả hết. Các vua sáu nước vùng lãnh đông có những vật báu quý giá phần nhiều đều đem cúng dường, người sử dụng thì ít. Đã qua bốn tháng trông xem pháp hành Tượng, một mình Sa-môn Tăng Thiều theo một Đạo nhân người Hồ đi đến nước Kế Tân. Còn ngài ... thẳng đến nước Tử Hợp.

Phải trãi qua hai mươi lăm ngày đường mới tới nước đó. Vua nước đó rất tinh tấn, Tăng chúng có hơn ngàn vị, phần nhiều là học Pháp Đại Thừa. Dừng ở lại đó mười lăm ngày, rồi theo hướng nam đi suốt bốn ngày vào núi thông Lãnh, đến an cư tại nước Huy. Sau khi mãn Hạ, lại đi suốt hai mươi lăm ngày đến nước Kiệt Xoa. Ngài gặp lại Sa-môn Tuệ Cảnh ... gặp lúc vua nước đó làm Ban - Già - Việt - Sư, Ban - Già - Việt - Sư tiếng Trung Hoa dịch nghĩa là "Đại Hội Năm Năm", lúc khai mở hội thỉnh mời các Sa-môn ở tứ phương đều đến nhóm tập. Sau khi đã nhóm tập mới trang nghiêm chỗ ngồi của chúng Tăng, treo các phan lọng, làm các hoa sen bằng vàng bằng bạc xếp đặt sau tòa. Bày toạ cụ thanh tịnh. Vua và quần thần đếu như pháp mà cúng dường, hoặc một tháng, hai tháng, hoặc ba tháng, phần nhiều là trong mùa xuân. Vua làm hội ấy rồi lại khuyên Quần Thần thiết bày các thứ cúng dường, hoặc một ngày, hai ngày, ba ngày, năm ngày cho đến bảy ngày, cúng dường đều xong, vua đem ngựa yên dám của mình đang cưỡi tự xứng khiến các trọng Thần trong nước cưỡi đó. Và các giạ đệm sắc tráng cùng các thứ

trâu báu, vật Sa-môn cần dùng mà cùng các Quần Thần phát nguyện cúng thí chúng Tăng. Cúng thí rồi lại theo chúng Tăng chuộc bỏ nơi đất. Ở đó núi lạnh chẳng sang mọc các thứ lúa thóc, chỉ có ăn dùng mỳ chín. Chúng Tăng mãn Hạ đã, sáng đó liền sương, nên vua nước đó mỗi lúc mời thỉnh chúng Tăng phải bảo làm mỳ chín, sau đó mới giải hạ. Trong nước đó có ống nhổ của Đức Phật được làm bằng Đá, sắc màu tợ như Bình bát của Đức Phật. Lại có một chiếc răng của Đức Phật, dân chúng trong nước tạo dựng Tháp để phụng thờ. Ở nước đó có hơn ngàn vị Tăng, đều học theo pháp Tiểu thừa. Từ núi đó đi xuống phái đông, dân chúng vẫn mặc thô sơ như ở đất Tần, cũng có khác ở điểm gia bện vải thô. Các Sa-môn dùng pháp ưu thắng không thể ghi chép hết đầy đủ. Nước đó ngay trong Thông lảnh. Từ Thông Lãnh trở về trước trái cây thật đều khác, chỉ có ba thứ cây Trúc, An Thạch lựu và Cam già là đồng như ở đất Hán vậy.

Từ phái tây đô thẳng đến bắc Thiên Trúc, mất một tháng trời đi qua Thông Lãnh. Trên đảnh núi quanh năm đều có tuyết, lại có rồng độc, nếu không để ý thì rồng phun gió độc mưa tuyết bay cát sỏi đá. Gặp phải nạn đó thì muôn người chẳng còn được một. Mọi người xứ đó đều gọi là núi tuyết vậy. Đã qua khỏi Thông Lãnh, đến bắc Thiên Trúc, mới đầu vào nơi ranh giới, có một nước nhỏ tên là Đà Lịch, cũng có chúng Tăng đều học theo pháp Tiểu thừa. Tại nước đó xưa kia có một vị A-la-hán dùng sức Thần túc dẫn một người thợ lên cung trời Đâu-suất trông xem dáng mạo nahn sắc thân hình cao thấp thế nào của Bồ-tát Di-lặc rồi trở về dùng gỗ tạc tượng. Trước sau có đến ba lần lên xuống trông xem, sau đó mới hoàn thành Tôn tượng cao tám trượng mu chân rộng tám thước. Những ngày Trai Tôn tượng ấy thường có toả phóng ánh sáng, vua ở các nước đua nhau đến cúng dường, đến nay vẫn hiện còn ở đó.

Theo hướng tây nam đảnh núi đi suốt mười lăm ngày, đường sá ở đó còn cheo leo hiểm trở cách ngăn. Núi đó chỉ có vách đá dựng đứng cao ngàn nhận, ai đến đó đều mờ loà mắt, muốn bước tới thì không chổ đặt chân. Có một dòng sông tên là sông Tân Đầu. Xưa kia có người đục Dá làm đường thông, làm thềm cấp bên cạnh có đến bảy trăm cấp, qua khỏi thềm cấp rồi phải bước nhẹ trên dây treo hỏng mà vượt qua sông, hai bên bờ sông cách nhau gần tám chục bộ. Theo sự ghi nhận của Cửu Dịch thì Trương mạch Cam Anh ở đất Hán đều không đến đó. Chư Tăng hỏi ngài rằng: "Phật Pháp truyền sang phương đông bắt đầu từ qua đó có phải chăng". Ngài đáp: "Không hỏi người ở xứ đó, thì đều nói là các

bậc lão túc tương truyền từ khi dựng Tôn tượng Bồ-tát - Di-lặc, sau đó mới có các Sa-môn từ Thiên Trúc mang kinh Phật đi qua sông đó. Tôn tượng ấy được dựng lập sau Phật nhập Niết Bàn khoảng ba trăm năm. Tính ra từ khoảng trong đời vua Bình Vương (Cơ Nghi Cữu bảy trăm bảy mươi - bảy trăm mười chín trước Tây Lịch) thời Đông Chu ở Trung Hoa. Do đó mà nói thì Phật Pháp được hoằng tuyên lưu bố bắt đầu từ Tôn tượng ấy. Nếu chẳng phải là Đại Sĩ Di-lặc tiếp nối khuôn phép của đức Thích-ca Thể Tôn thì ai là người có khả năng khiến Tam bảo tuyên lưu hoằng thông cho người xứ biên địa được biết chánh Pháp ư?. Nên biết khai mở vận ngầm vốn chẳng phải việc của con người, thì giấc mộng của vua Minh Đế (Lưu Trang năm mươi bảy - bảy mươi sáu) thời Đông Hán thật có nguyên do rõ ràng vậy".

Vượt qua sông đó thì đến nước Ô Trường. Nước Ô Trường ở chánh bắc Thiên Trúc đều sử dụng ngôn ngữ của Trung Thiên Trúc. Trung Thiên Trúc có nghĩa là chính giữa nước Thiên Trúc (bằng trung tâm xứ Ấn Độ). Người thế tục vận mặc ăn uống đều đồng như tại Trung Hoa, Phật Pháp rất hưng thạnh, gọi nơi chuáng Tăng ở là Tăng-già Lam. Ở đó có năm trăm ngôi Tăng-giàLam và chư Tăng đều học theo Pháp Tiểu thừa. Như có khách Tăng Tỳ-kheo đến thảy đều cúng dường trong ba ngày, qua sau ba ngày mới bảo hãy tìm sự an ổn. Có lời tương truyền rằng: Xưa kia Đức Phật đến bắc Thiên Trúc tức đến nước đó, Phật lưu lại một dấu chân tại đó, thấy hoặc dài hoặc ngắn hoặc lớn hoặc nhỏ đều do tâm niệm của mỗi người, đến nay vẫn hiện còn. Và tảng đá nơi Đức Phật hong phơi y, nơi Phật hóa độ rồng ác độc thảy đều hiện còn. Tảng đá đó cao một trượng bốn thước, rộng hai trượng, một bên bằng phẳng. Ba vị Sa-môn Tuệ Cảnh, Tuệ Đạt và Dạo Chỉnh đi trước đến nước Na Kiệt; cảnh đất Phật. Còn ngài ..., dừng lại ở nước đó an cư.

Sau khi mãn Hạ, theo hướng nam, Ngài...xuống đến nước Túc - ha - Đa, Phật Pháp tại nước đó cũng hưng thạnh. Xưa kia có vị trời Đế Thích muốn thử Bồ-tát nên hóa làm chim ưng rượt đuổi bắt chim Bồ Câu, Bồ-tát vì lóc thịt cân lường để chuộc lấy chim Bồ Câu. Sau khi Đức Phật đã thành Đạo, Ngài dẫn các Đệ Tử du hành, đế đó, ngài bảo "Đó là nơi đời trước Tôi lóc thịt cân lường để chuộc mạng chim Bồ Câu". Dân chúng trong nước từ đó mới biết, và dựng lập bảo Tháp dùng các thứ vàng bạc... trang nghiêm cúng dường.

Từ đó, theo hướng đông đi xuống qua năm ngày là đến nước Kiền Đa Vệ, là nơi trị vì của An Dục Vương tử Pháp Ích. Xưa kia lúc Đức Phật còn tu hạnh Bồ-tát cũng ở tại nước đó mà móc mắt dâng tặng người. Tại

nơi đó cũng có xây dựng ngôi tháp lớn, trng nghiêm bằng các thứ vàng bạc. Mọi người ở nước đó phần nhiều học theo pháp Tiểu thừa. Từ đó cũng đi về hướng đông qua bảy ngày đường có một nước tên là Trúc - Sát - Thi - La, Trúc - Sát - Thi - La tiếng Trung Hoa dịch nghĩa là Tiệt Đầu (bằng Cắt Đầu). Khi Đức Phật còn tu hạnh Bồ-tát ở tại xứ đó đem Đầu ban thí cho người, do nhân duyên ấy mà đặt tên nước như vậy. Lại đi theo hướng đông qua hai ngày đường là đến nơi đời trước Đức Phật ném thân mình ném cho cọp đói. cả hai nơi đó cũng có xây dựng Tháp lớn và đều dùng các vật báu để trang nghiêm. vua tôi dân chúng ở nước đua nhau đến cúng dường, rãi hoa đốt hương liên tục không ngừng dứt. Cũng như hai ngôi Tháp trước, dân chúng ở xứ đó đều xưng gọi là bốn ngôi Tháp lớn vậy.

Từ nước Kiền Đà Vệ, theo hướng nam đi qua bốn ngày đường là đến nước Phất Lâu Sa. Xưa kia Đức Phật cùng các Đệ Tử du hành đến nước đó, Đức Phật bảo ngài A-nan rằng: "Sau khi Tôi nhập Niết Bàn sẽ có một vị Quốc Vương tên là Kế - Nị - Già tạo dựng Bảo Tháp tại xứ này". Về sau, vua Kế Nị Già ra đời lúc Vân du trông xem, trời Đế Thích muốn mở tâm ý vua nên hóa làm đứa trẻ nhỏ chăng Trâu ở giữa đường làm Tháp. Vua đi ngang đến, hỏi rằng: "Tốt lành thay!". Từ đó vua liền ngay trên chổ đứa trẻ làm Tháp mà tạo dựng ngôi Tháp cao hơn bốn mươi trượng dùng các vật báu để trang nghiêm. Trên bước đường trãi qua trông thấy các Tháp miếu tráng lệ oai nghiêm không nơi nào sánh bằng Tháp ấy. Tương truyền rằng các Tháp trong Diêm Khù Đề chỉ có Tháp đó là cao lớn hơn hết. Khi vua tạo dựng ngôi Tháp ấy đã hoàn thành, liền tự bên cạnh xuất hiện ngôi Tháp ở phía nam cao ba thước.

Bình Bát của Đức Phật hiện tôn thờ tại nước đó. xưa kia vua nước Nguyệt Chi dẫn đầu binh lính đông đảo đến chiếm nước đó, muốn lấy bình Bát của Đức Phật. Đã dẹp yên nước đó rồi, vua nước Nguyệt Chi rất sùng tín Phật Pháp muốn nghinh thỉnh Bình Bát đi nên thiết lễ cúng dường lớn. Cúng dường Tam bảo xong mỗi trang sức một con voi lớn, tôn trí Bình Bát lên trên, con voi ấy liền quỵ nằm nơi đất, không thể đi được. vua lại làm bốn chiếc xe lớn để thỉnh chở Bình Bát, dùng tám con voi cùng kéo cũng không thể đi bước nào. vua biết duyên của vua nghinh thỉnh Bình Bát của Đức Phật chưa đến nên rất tự hổ thẹn buồn than, và liền tại nơi đó xây dựng ngôi Tháp và Tăng-già Lam, đồng thời để người ở lại gìn giữ, dùng các thứ cúng dường. Chư Tăng ở đó có hơn bảy trăm vị. Mỗi ngảy sắp đến trưa chư Tăng thỉnh Bình Bát ra, các hàng cư sĩ dâng cúng mọi vật. Sau đó, mới dùng bữa trưa. Đến chiều tối,

lúc đốt hương cũng lại như vậy. Bình Bát ấy có thể dung chứa được hai đấu. Sắc màu xen tạo mà phần nhiều là màu đen, bốn phía rõ ràng, dày khoảng hai phân trong ngoài sáng đượm. Những người nghèo khổ dùng ít hoa rãi vào trong liền đầy. Có một người rất giàu có muốn dùng nhiều hoa để cúng dường, dâng rãi cả trăm ngàn vạn hộc mà trọn chẳng đầy.

Các Sa-môn Bảo Vân, Tăng Cảnh chỉ cúng dường nơi tôn thờ Bình Bát của Đức Phật rồi trở về. Các Sa-môn Tuệ Cảnh, Tuệ Đạt, Đạo Chỉnh đi trước đến nước Na Việt cúng dường nơi tôn thờ Răng Đức Phật và Cốt đảnh Đức Phật. Sa-môn Tuệ Cảnh cảm mắc bệnh, nên Sa-môn Đạo Chỉnh phải ở lại chăm sóc, chỉ một mình Sa-môn Tuệ Đạt trở về lại nước Phất Lâu Sa, cùng gặp mà các Sa-môn Tuệ Đạt, Bảo Vân, Tăng Cảnh bèn trở về đất tần (Trung Hoa). Còn Sa-môn Tuệ Cảnh thị tịch tại chùa tôn thờ Bình Bát của Đức Phật, nên chỉ một mình ngài(Pháp Hiển) đi đến chỗ tôn thờ Cốt đảnh của Đức Phật.

Theo hướng tây, từ đó đi khoảng mười sáu do diên là đến thành Toan La ranh giới của nước Na Kiệt. Trong thành có tinh xá tôn thờ Cốt đảnh đầu Đức Phật đều dùng vàng dác mỏng và bảy vật báu trang nghiêm. vua nước đó rất kính trọng Cốt đảnh đầu Đức Phật lo sợ có người gian cướp mất, mới chọn lấy tám người thuộc dòng họ sinh quý trong nước, mỗi người giữ một chiếc ấn, ấn phong gìn giữ. Mỗi mỗi sáng sớm mai cả tám người đồng đến, và mỗi tự xem nhìn ấn đó sau mới mở cửa. Mở cửa rồi, dùng nước hương thơm rửa tay, nghinh thỉnh Cốt đảnh đầu của Đức Phật ra tôn trí ở trên tòa cao ngoài tinh xá, dùng bảy vật báu chổm quanh phái dưới chổm, phái trên dùng chén lưu ly đậy lại đều dùng các thứ châu ngọc để trang sức. Cốt đảnh sắc màu vàng trắng, vuông tròn bốn tấc, phía trên dần phát lớn. Mỗi ngày sau khi nghinh thỉnh rồi, người thì lên trên lầu cao đánh trống lớn, thổi loa địch, bảng đồng. vua nghe xong thì đến nơi tinh xá dùng hương hoa cúng dường, cúng dường xong lần lược đội trên đỉnh đầu mà đi vào cửa phía đông ra cửa phía tây. Mỗi mỗi sáng sớm vua đều cúng dường để bái như thế, sau đó mới nghe tấu trình việc Quốc Chỉnh. Các hàng cư sĩ Trưởng giả trước tiên mỗi ngày cũng cúng dường xong rồi mới lo liệu việc nhà. Mỗi mỗi ngày thảy đều như vậy trọn không biếng trể. Cúng dường xong rồi mới nghinh thỉnh Cốt đảnh vào trong tinh xá.

Lại có Tháp giải thoát bảy báu, hoặc đóng hoặc mở, cao năm trượng, dùng đựng đầy trong đô. Trước cửa tinh xá mỗi sớm mai thường có người bán hoa hương, phàm ai muốn cúng dường cứ đến đó mua các thứ. vua các nước khác cũng thường sai sứ đến cúng dường. tại nơi

tinh xá vuông rộng bốn mươi bộ, tuy trời có chuyển động, đất có sụp đổ nhưng ở nơi đó vẫn không chuyển động. Từ đó theo hướng bắc đi khoảng một do diên là đến thành của nước Na Kiệt. Đó là nơi đời trước Bồ-tát dùng tiền bạc mua năm cành hoa sen cúng dường Đức Phật Định Quang. Trong thành cũng có Tháp tôn thờ răng Đức Phật, pháp thức cúng dường cũng như nơi Tháp tôn thờ Cốt đảnh đầu của Đức Phật vậy.

Từ đó theo hướng đông bắc đi khoảng một do diên là đến một cửa hang, nơi có Tích trượng của Đức Phật, cũng xây tinh xá mà cúng dường. Tích trượng đó dúng bằng các vật ngưu đầu chiên đàn mà làm nên dài một trượng sáu. Tôn trí trong cây gỗ rỗng, giả sử có trăm ngàn người dất cũng không di chuyển. Vào trong hang đi theo hướng tây đến nơi có y Tăng-già Lê của Đức Phật, cũng xây tinh xá mà cúng dường. Tại nước đó những lúc nắng hạn, dân chúng cùng nhau đến nghinh thỉnh y ra lễ bái cúng dường, tự nhiên trời liền mưa lớn.

Từ thành Na Kiệt về hướng nam cách khoảng nữa do diên có Thạch thất núi lớn, tại đó theo hướng tây nam là đến nơi Đức Phật lưu lại Di ảnh. Trong đó đứng cách xa hơn mười bộ nhà trông nhình tợ như hình thật của Đức Phật, sắc màu vàng rồng tướng tốt chói sáng rực rỡ, càng đến gần càng phảng phất như có. Vua các nước khác sai bảo các thầy thợ họa vẽ tài giỏi phỏng theo đồ họa sang chẳng thể sánh kịp. dân chúng ở đó tương truyền rằng: "Ngàn Đức Phật đều lưu lại hình ảnh tại đó". Cách đó khoảng trăm bộ, khi Đức Phật còn tại thế cạo tóc cắt móng tay, Đức Phật tự dùng các đệ tử đồng tạo dựng ngôi Tháp cao bảy - tám trượng, lấy làm Tháp pháp tương lai, đến nay vẫn hiện còn. Bên cạnh có ngôi chùa, trong chùa có hơn bảy trăm vị Tăng, tại xứ đó có đến sổ ngàn ngôi Tháp của các vị La Hán, Bích Chi Phật.

Dừng ở lại đó mất mùa đông ba tháng. Ngài... cả thảy ba người lại theo hướng nam vượt qua núi tuyết nhỏ. Quanh năm núi ấy đều có tuyết phủ, vào trong phía bắc núi gặp lúc gió lạnh bộc phát, mọi người đều cứng miệng. Sa-môn Tuệ Cảnh chẳng thể tiến bước được, trong miệng trào nước dải mà nói cùng Ngài rằng: "Tôi không thể sống lại nổi, nên gấp rút mà đi, chớ cùng phải chực chết". Và bèn thị tịch, Ngài vổ về buồn khóc: "Ước muốn chưa thành tựa, mạng sống sao phải thế này !?".

Rồi gắng dốc sức đi qua đảnh núi, theo hướng nam đến nước La Di, gần đó có ba ngàn vị Tăng tụ tập cả Pháp Tiểu thừa lẫn Đại Thừa. Dừng lại an cư kiết hạ, sau khi mãn Hạ, lại theo hướng nam đi suốt mười

ngày là đến nước Bạt Na. Ở đó cũng có khoảng ba ngàn vị Tăng đều học theo Pháp Tiểu thừa. Từ đó theo hướng đông, đi mất ba ngày lại vượt qua sông Tân Đầu, hai bên bờ đất đều bằng phẳng. Qua khỏi sông có một nước tên là Tỳ Trà. Tại đó Phật Pháp rất hưng thạnh, mọi người học cả Pháp Tiểu thừa lẫn Đại Thừa. Thấy Đạo nhân ở đất Tần đến mới xót thương nói rằng: "Cớ sao người ở biên địa có thể biết xuất gia làm Đạo, từ xa đến tìm cầu Phật Pháp?" Và đều cung cấp mọi thứ cần dùng, tiếp đãi đúng như pháp.

Từ đó theo hướng đông nam đi gần tám mươi do diên, trên đường ngang qua có lắm chùa chiền, chư Tăng có cả muôn vị. Qua xứ đó rồi đến một nước tên là Ma Đầu La. Lại vượt sông Bồ Na, hai bên bờ sông có hai mươi ngôi Tăng gia Lam, và có khoảng ba ngàn vị Tăng, Phật Pháp ở xứ đó lại càng hưng thạnh. Phàm các nước từ sông Cát trở về phía tây Thiên Trúc, các vị vua chúa đều rất sùng kính Phật Pháp cúng dường chúng Tăng. Đến lúc thì cởi bỏ mũ trời cùng các thân thuộc trong giòng tộc, tự tay làm các thức ăn, làm xong trãi nệm giạ nơi đất, đối trước Thượng toạ mà ngồi trước chúng Tăng, chẳng dám ngồi trên sàng toạ. Xưa kia, khi Đức Phật còn tại thế, pháp thức cúng dường của các vua vẫn được tương truyền mãi đến ngày nay.

Từ đó trở về hướng nam gọi là trung tâm của đất nước. Tại trung tâm đất nước Ấn Độ, nắng mưa đều hòa, không có sương tuyết. dân chúng đông đúc, không lập hộ tịch quan pháp, chỉ có người cày đất vua mới nộp lợi tức của đất. Ai muốn đi thì đi, muốn ở thì ở. vua quan xử trụ không dùng hình phạt chém chặt. Nếu người có tội thì chỉ phạt tiền tuỳ tội nặng nhẹ. Tuy có kẻ mưu mô lắm điều phản nghịch, chẳng qua cũng chỉ cắt tay phải mà thôi. Người hầu hai bên của vua đều có cung lộc. Dân chúng cả nước đều không giết hại, không uống rượu, không ăn dùng các thứ tanh nồng như hành hẹ, chỉ trừ hàng Chiên - Trà - La. Chiên - Trà - La nghĩa là người ác, sống cách biệt với mọi người. Nếu có vào trong thành thị thì phải đeo mang cây gỗ để tự làm khác, khiến mọi người biết đó mà lánh xa chẳng phải bị xung đột. Trong nước không nuôi dưỡng các vật heo gà, chẳng bàu vật sống. Chợ không quán thịt và người buôn bán rượu. Mua bán đổi chác toàn dùng bằng bối xỉ, chỉ có hàng Chiên - Trà - La và những người săn bắn chài lưới bán thịt vậy. Từ sau khi Đức Phật nhập Niết Bàn, các hàng vua chúa Trưởng giả, cư sĩ vì chúng Tăng mà lập dựng tinh xá, cung cấp ruộng vườn ... nhà dân, trâu bò, quyển sắt sách tập, các vua về sau tương truyền không dám phế bỏ, mãi đến nay vẫn không ngưng nghỉ.

Chúng Tăng tại nước đó đều ở phòng nhà, sàn giường chăn gối y phục uống ăn không thiếu vật gì, nơi nơi như vậy. Chúng Tăng chỉ lo tạo công đức làm việc chính cho đến tụng kinh toạ thiền. Như có khách Tăng mới đến thì những vị Tăng cũ nghinh đưa tiếp đón, thay thế mang bưng y bát, cấp nước rửa chân, cấp dầu thoa chân và sữa uống phi thời, chốc lát nghỉ ngơi rồi hỏi han về hạ lạp, tuỳ theo thứ tự mà cấp phòng nhà ngoạ cụ, mỗi mỗi đều đúng như pháp. Chúng Tăng ở xứ đó tạo dựng Tháp các tôn giả Xá Lợi Phất, Mục-kiền-liên, A-nan và Tháp kinh luật A Tùy Đàm. Sau khi an cư một tháng các nhà mang cầu phước khuyến hóa cúng dường. Chúng Tăng làm sữa uống phi thời, chúng Tăng thiết lập Đại hội giảng pháp. Giảng pháp rồi cúng dường Tháp tôn giả Xá Lợi Phất bằng các thứ hương hoa, đốt đèn suốt đêm, bảo kỷ nhạc đóng làm Xá Lợi Phất vốn là người Bà-la-môn lúc đến cầu xin Đức Phật mà xuất gia. Và các Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, Đại Ca Diếp cũng đều như vậy. Chúng Tỳ-kheo Ni phần nhiều cúng dường Tháp tôn giả A-nan, vì tôn giả A-nan là người cầu xin đức Thế Tôn cho hàng nữ nhân xuất gia. Còn hàng Sa Di thì phần nhiều cúng dường Tháp tôn giả La Vân (La Hầu La). Các luận sư A-tỳ-đàm thì phần nhiều cúng dường Tháp A-tỳ-đàm, các luật sư thì cúng dường luật. Mỗi năm có một lần cúng dường, mỗi tự có một ngày ấn định. Những vị học Pháp Đại Thừa thì cúng dường Bát Nhã Ba La Mật, các vị Bồ -Tát Văn-thù-sư-lợi, Quan Thế Âm ... Sau khi chúng Tăng tự tử xong, các hàng Trưởng giả, cư sĩ Bà-la-môn ... mỗi tự đem các thứ y vật mà Sa-môn cần dùng để cúng dường chúng Tăng. Chúng Tăng thọ phận rồi mỗi mỗi cũng tự bố thí. Từ khi Đức Phật đã nhập Niết Bàn trở lại, mọi sở hành Thánh chúng luôn giữ oai nghiêm phép tắc tiếp thừa không dứt. Tứ đó, qua sông Tân Đầu đến Nam Thiên Trúc suốt đến Nam Hải khoảng bốn - năm muôn dặm, biển bình lắng, không có núi sông lớn.

Từ đó theo hướng đông nam đi khoảng mười tám do diên có một nước tên là Tăng-già Thi, là nơi Đức Phật xưa kia lên cung trời Đao-lợi suốt ba tháng vì Thánh Mẫu mà giảng pháp trở xuống. Khi Đức Phật lên cung trời Đao-lợi dùng sức thần thông khiến các hàng Đệ Tử không một người nào biết. Sau bảy ngày, Đức Phật mới phóng ánh sáng thần túc. Tôn giả A Na Luật dùng Thiên nhãn xa trông thấy Đức Phật liền nói cùng Tôn giả Đại Mục-kiền-liên rằng: "Tôn giả nên lên cung trời Đao-lợi để thăm hỏi đức Thế Tôn". Tôn giả Mục-kiền-liên liền lên cung trời Đao-lợi, đem đầu mặt đảnh lễ sát chân Đức Phật, cung kính thăm hỏi. Hỏi han xong, Đức Phật bảo tên hỉa Mục-kiền-liên rằng: "Bảy ngày

sau, Ta sẽ trở xuống lại cõi Diêm Phù Đề". Tôn giả Mục-kiền-liên trở về trước. Bấy giờ, các vị Đại Vương ở tám nước cùng các thần dân trãi qua nhiều ngày không trông thấy Đức Phật nên đều sinh Tâm Khát ngưỡng, cùng tụ hội tại nước đó để chờ đợi Thế Tôn. Khi ấy Tỳ-kheo Ni Ưu Bát La liền tự suy nghĩ rằng: "Ngày nay các hàng Quốc Vương thần dân đang chờ đợi đón Đức Phật, mà Ta là người nữ làm sao để thấy Đức Phật trước?" Và liền vận dụng sức thần túc hóa làm chuyển luân Thánh Vương đến đứng trước hết để đợi đảnh lễ Đức Phật. Đức Phật từ trên cung trời Đao-lợi trở xuống. Lúc xuống, hóa làm ba đường thềm cấp bằng vật báu. Đức Phật đi tại đường giữa giẫm bước trên thềm cấp bằng bảy báu, Trời Phạm Thiên cũng hóa làm đường thềm cấp bằng bạc trắng tại phía hữu cầm nắm phất trần trắng mà đứng hầu. Trời Thiên Đế Thích cũng hóa làm đường thềm cấp bằng vàng tía tại phía tả cầm nắm lọng bảy báu mà đứng hầu, các trời đông vô số theo Phật cùng đi xuống. Đức Phật đã đi xuống, ba đường thềm cấp đều ẩn chìm xuống đất chỉ còn lại bảy thềm cấp hiện trên mặt đất. Về sau, vua A Dục muốn biết được ngằn mé dưới chân thềm cấp, bảo người đào bới để trông xem. Đào bới xuống tận suối vàng mà ngằn mé của thềm cấp vẫn chưa hết. Do đó vua càng sinh Tâm kính tin, liền ngay trên thềm cấp mà xây dựng tinh xá, tại đường thềm cấp giữa tạo tôn tượng Đức Phật đứng cao trượng sáu. Phía sau tinh xá dựng một trụ đá cao hai mươi khuỷu tay. Trên đầu Trụ đá làm hình sư tử. Bốn phía trong trụ có tôn tượng Phật, trong ngoài sáng suốt sạch tợ lưu ly. Có một Luận sư ngoại Đạo tranh giành trụ xứ đó với một vị Sa-môn. Khi ấy vị Sa-môn bị đuối lý, bèn cùng nhau lập lời thề rằng: "Nếu nơi này là trụ xứ của Sa-môn thì ngay đây có sự linh nghiệm ứng hiện". Nói lời ấy rồi, tượng đá Sư Tử trên đầu trụ liền rống lớn tiếng hiện điền ứng nghiệm. Do đó luận sư ngoại Đạo kinh sợ, tâm phục mà rút lui. Đức Phật suốt ba tháng thọ nhận thức ăn cõi trời nên khắp thân mình toả mùi hương thơm khác hẳn thế gian. Sau khi Đức Phật tắm rửa, tại nơi Đức Phật tắm rửa mọi người liền xây nhà tắm, Nhà tắm vẫn hiện còn. Và nơi Tỳ-kheo Ni Ưu Bát La đảnh lễ Đức Phật trước tiên, hiện nay cũng tạo dựng ngôi Tháp. Lúc Đức Phật còn tại thế có tạo Tháp cạo tóc và cắt móng tay chân. Và nơi kinh hành, nơi ngồi thiền của ba Đức Phật thời quá khứ cúng với Đức Thế Tôn và nơi làm hình tượng chư Phật đều có tạo dựng Tháp, đến nay vẫn hiện còn, nơi trời Đế Thích và Phạm Thiên Vương theo Đức Phật đi xuống cũng có tạo dựng Tháp.

Tại xứ đó, Tăng Ni có khoảng ngàn vị đều đồng chúng thực, tập

học lẫn lộn vừa Đại Thừa vừa Tiểu thừa. Tại xứ đó có một con rồng lỗ tai trắng làm dàn Việt cho chúng Tăng ở đó, khiến trong nước mùa màng tươi tốt, mứa nắng đúng mùa, không các thứ tai hại, và khiến chúng Tăng được bình an. Chúng Tăng cảm ân huệ đó nên tạo nhà rồng đặt để nơi chỗ ngồi, lại vì rồng mà thiết hội tạo phước cúng dường. Mỗi ngày trong chúng Tăng đặt cử ra ba vị đến thọ trai trong nhà rồng. Mỗi năm đến lúc mãn Hạ xong, Rồng liền hóa mình làm con rắn nhỏ hai bên lỗ tai sắc trắng khiến chúng Tăng nhận biết đó, dùng chén Đồng đựng đầy vàng sữa đem đặt trong nhà rồng từ Thượng toạ cho đến Hạ toạ đều làm như vậy, khắp đủ rồi bèn biến hóa đi. Mỗi năm xuất hiện một lần. Đất nước đó rất sung túc, dân chúng hưng thạnh đông đúc, an lạc không đâu sánh bằng. Người ở các nước đến, đều được cung cấp mọi thứ cần dùng.

Phía bắc chùa đó cách khoảng năm mươi do diên lại có một ngôi chùa tên là Đại Phần. Đại Phần tức là tên của ác quỷ. Vốn do Đức Phật giáo hóa ác quỷ đó, nên người đời sau ở xứ đó tạo dựng tinh xá tại đó. và chổ cúng dường nước cho vị A-la-hán rửa tay, nước rỏ giọt nơi đất, chổ ấy vẫn hiện còn. Có các quỷ thần tu tạo việc thiện luôn quét tước, mới đầu không cần đến công sức của người. Có một vị Quốc Vương tin theo Tà Kiến bảo rằng: "Ngươi có khả năng làm như thế, Ta sẽ dẫn binh lính đông nhiều đến đây vung vãi phẩn uế để xem thử ngươi có khả năng dọn dẹp chăng?". Quỷ thần liền nổi gió lớn thổi hết khiến nơi đó thảy điều sạch sẽ thanh tịnh. Có hàng trăm ngôi Tháp nhỏ, có người trọn ngày tính đếm mà trọn không biết đúng số lượng. Nếu người có ý chí muốn thật sự biết bèn bên cạnh Tháp đặt để một người rồi lại lần lược tính đếm, nhưng mỗi người tính đếm hoặc nhiều hoặc ít, trọn chẳng thể biết được. Có một ngôi Tăng-già Lam, chúng Tăng ở đó khoảng sáu bảy trăm vị. Trong đó có chổ thọ thực của vị Bích Chi Phật thuần toàn đất bùn lớn như bánh xe, chung quanh các nơi cỏ đều sinh mọc tươi tốt chỉ riêng chổ đó cỏ không sinh mọc. Và chổ đất phơi y cũng không sinh mọc cỏ, các điều y dính nơi đất đến nay dấu vết vẫn hiện còn. Ngài (Pháp Hiển) ở lại an cư kiết hạ tại tinh xá có nhà Rồng lỗ tai trắng.

Sau khi mãn hạ, theo hướng đông nam đi bảy do diên là đến Thành kế Nhiêu Di, Thành đó tiếp liền với sông Hằng, có hai ngôi Tăng-già Lam đếu học theo Pháp Tiểu thừa. Cách Thành về hướng tây khoảng sáu - bảy dặm ở bờ phía bắc sông Hằng là nơi Đức Phật vì các Đệ Tử giảng pháp. Tương truyền tại đó Đức Phật giảng các pháp Vô Thường, Khổ, Không, giảng về thân như bọt bóng... Tại đó có xây dựng Tháp

đến nay vẫn hiện còn. Vượt qua sông Hằng, theo hướng nam đi khoảng ba do diên là đến một thôn ấp tên là Ha Lê, nơi Đức Phật ở trong thôn đó giảng pháp kinh hành đều có tạo dựng Tháp. Từ đó theo hướng tây đi khoảng mười do diên là đến nước Sa Kỳ, ra Thành Sa Kỳ theo cửa hướng nam rồi đi về đường hướng đông vốn là nơi xưa kia Đức Phật nhấm cành dương xong cắm xuống nơi đất liền sinh lớn cao hơn bảy thước, không thêm không bớt, các hàng ngoại Đạo, Bà-la-môn sinh tâm ganh ghét hoặc chặt phá hoặc bẻ gãy đem vất bỏ nơi xa, nhưng tại đó vẫn sinh mọc lại như cũ.Trong đó cũng có bốn chổ Đức Phật kinh hành toạ Thiền đều xạy dựng Tháp và hiện còn. Từ đó hướng nam đi khoảng tám do diên là đến thành Xá Vệ nước Câu Tát La.

Dân chúng trong thành Xá Vệ hiếm ít rỗng thoáng chỉ có khoảng hai trăm nhà, tức là thành do vua Ba Tư trị vì xưa kia. Nơi tinh xá cũ của Tỳ-kheo Ni Đại Ái Đạo,nơi vách giếng của Trưởng giả Tu Đạt, nơi Ương Quật ma la đắc Đạo nhập Niết Bàn thiêu thân đều tại trong thành đó và người đời sau đều có dựng lập Tháp tại các nơi đó. Các hàng ngoại Đạo Bà-la-môn sinh tâm ganh ghét muốn huỷ hoại, trời liền nổi dậy sấm sét bão tố đùng đùng khiến không không thể phá hoại. Ra khỏi cửa phía nam của Thành cách khoảng một ngàn hai trăm bộ theo đường hướng tây là đến nơi Trưởng giả Tu Đạt dựng xây tinh xá. Cửa tinh xá mở về hướng đông, hai bên cửa đều có hai trụ đá. Trên đầu trụ đá bên Tả làm hình tượng bánh xe, trên đầu trụ đá bên hửu làm hình con Trâu. Hai bên tinh xá đều có ao chảy nước trong sạch, cây rừng còn tươi tốt, các giống hoa thuần sắc vàng um tùm rất đáng ưa thích, tức nơi thường gọi là tinh xá Kỳ Hoàn vậy.

Khi Đức Phật lên cung trời Đao-lợi suốt chính mươi ngày giảng pháp cho Thánh mẫu ma gia, vua Ba-tư-nặc nghĩ ngợi trông mong được nhìn thấy Phật, nên liền khắc chạm tôn tượng Đức Phật bằng gỗ ngưu đầu chiên đàn mà tôn trí tại chỗ Đức Phật thường ngồi. Khi Đức Phật từ cung trời Đao-lợi trở về tinh xá, tôn tượng ấy liền lánh khỏi tòa ra nghinh đón Đức Phật. Đức Phật bảo Tôn tượng: "Hãy trở lại chổ ngồi. Sau khi Tôi nhập Niết Bàn có thể vì bốn bộ chúng mà làm pháp thức". Tôn tượng ấy liền trở lại chổ ngồi. Đó là Tôn tượng đầu tiên của mọi Tôn tượng Phật.Người đời sau đều theo pháp thức đó mà tu tạo Tôn tượng Phật. Từ đó, Đức Phật dời sang ở một tinh xá nhỏ bên cạnh phía nam cách khác nơi Tôn tượng đó khoảng chừng hai mươi bộ. Tinh xá Kỳ Hoàn vốn có bảy tầng. vua chúa dân chúng các nước đua nhau đến cúng dường, treo các thứ phan lọng rãi hoa đốt nhóm hương đèn liên tục

sáng rực thường ngày không ngưng dứt. Thử Hàm đốt đuốc thiêu cháy các thứ hoa phan lọng cho đến tinh xá bảy tầng đều rụi hết, các hàng vua chúa dân chúng đều rất buồn đau khổ não cho rằng Tôn tượng chiên đàn ấy chắc đã bị đốt cháy, qua sau bốn - năm ngày, mở cửa nơi một tinh xá nhỏ ở phía đông, bỗng nhiên thấy Tôn tượng còn nguyên vẹn tại đó, mọi người đều rất vui mừng, cùng nhau sữa sinh tinh xá được hai tầng rồi nghinh thỉnh Tôn tượng về lại chỗ cũ.

Lúc mới đến tinh xá Kỳ Hoàn, Ngài cùng Sa-môn Đạo Chỉnh nghĩ nhớ ngày xưa Đức Thế Tôn thường trú tại đó suốt hai mươi lăm năm, mà tự xót thương mình sinh ở chốn biên địa cùng các bạn đồng chí hướng du lịch các nước, mà hoặc có người trở về lại, hoặc có người vô thường mất mạng giữa đường, ngày nay đến được xứ Phật thì rỗng không, thật đáng thương tâm ! Chư tăng ở đó ra hỏi ngài rằng: "Các vị là người ở nước nào đến đây?" Ngài đáp: "Vốn từ đất Hán (Trung Hoa) đến đây." Chư Tăng đó ngợi khen rằng: "Kỳ đặc thay ! Người ở đất nước biên địa mà có thể đến đây cầu pháp !" Và tự cùng nói với nhau rằng: "Các Thầy Hòa thượng của chúng ta trãi qua nhiều đời truyền thừa mãi đến nay chưa thấy có Đạo Nhân đất Hán đến đây cầu pháp như thế này !"

Cách tinh xá về hướng tây khoảng bốn dặm có một khu rừng tên là Đắc Nhãn. Xưa kia vốn có năm trăm người mù nương tựa tinh xá mà sống tại đó. Đức Phật vì họ mà giảng pháp khiến mắt sáng trở lại. Họ rất vui mừng cắm gậy nơi đất gieo cả năm vóc đầu thành đảnh lễ Đức Phật, các cây gậy bèn lớn tươi tốt. Người đời kinh1 trọng đó nên không ai dám chặt phá, bèn thành rừng và nhân đó mà gọi tên là rừng Đắc Nhãn vậy. Chúng Tăng ở tinh xá Kỳ Hoàn, mỗi ngày sau bữa cơm trưa, phần nhiều đều sang rừng đó để toạ Thiền. Cách tinh xá Kỳ Hoàn về phía đông bắc khoảng sáu - bảy dặm là nơi Tỳ - Xá - Khư - Mẫu dựng lập tinh xá thỉnh Đức Phật và chúng Tăng đến ở, nơi đó vẫn hiện còn. Nơi viện lớn tinh xá Kỳ Hoàn mỗi mỗi đều có hai cửa, một cửa về hướng đông, một cửa về hướng bắc. Vườn đó tức là nơi Trưởng giả Tu Đạt trãi tiền vàng để mua đất. tinh xá dựng ngay chính giữa. Đức Phật thường trú tại đó rất lâu. Các nơi giảng pháp độ người, kinh hành, toạ thiền, mỗi mỗi đều có tạo dựng Tháp và đều có đặt tên hiệu. Cho đến cả nơi Tôn Đà Lợi giết hại thân mình phỉ báng Đức Phật.

Ra cửa phía đông tinh xá Kỳ Hoàn, đi theo hướng bắc khoảng bảy mươi bộ về đường hướng tây là nơi xưa kia Đức Phật cùng chín mươi sáu hàng ngoại Đạo luận nghị. Các hàng Quốc Vương Đại thần cư sĩ dân chúng đều cùng nhau tập để nghe. Bấy giờ có một nữ ngoại Đạo

tên là Chiên - Già - Ma - Na khởi tâm ganh ghét Đức Phật mới ôm áo đặt trước bụng tợ như người mang thai đến trong chúng hội phỉ báng cho là Đức Phật làm điều phi pháp. Liền đó, trời Đế Thích hóa làm bốn con chuộc bạch cắn đứt dây eo, dây đứt nên áo độn bụng rơi vãi nơi đất, đất liền nức nẻ và người nữ đó sa đoạ vào thẳng Đại ngục. Và nơi điều đạt độc hại lăn đá làm tổn thương móng chân Đức Phật mà bị sa đoạ vào Địa ngục, người đời sau đều có làm dấu hiệu. Tại chổ Đức Phật cùng luận nghị có xây dựng một tinh xá cao sáu trượng, bên trong tinh xá có Tôn tượng Đức Phật ngồi.Tại đường đó về phái đông có một ngôi chùa của ngoại Đạo thờ trời tên là Ảnh Phủ, đối xứng cặp đường với tinh xá nơi Đức Phật luận nghị, cũng cao bằng sáu trượng. Sở dĩ gọi tên Ảnh Phủ, bởi vì thường ngày lúc mặt trời ngã về hướng tây, ảnh bóng tinh xá đức Thế Tôn che phủ lên chùa ngoại Đạo thờ trời, nhưng lúc sáng sớm mặt nhật còn tại phía đông thì ảnh bóng của chùa ngoai Đạo thờ trời nghiêng về hướng bắc trọn không thể che phủ ánh sáng nơi tinh xá Phật Luận nghị vậy. Các ngoại Đạo thường cắt dặt người giữ gìn chùa thờ trời đó, quét tước, trông đốt hương đèn cúng dường. Đến sáng sớm thì các hương đèn ấy dời sang trong tinh xá Phật. Các Bà-la-môn tức giận bảo là "Các Sa-môn lấy đèn của chúng ta tự đem về cúng dường Phật". Sự việc cứ mãi như thế không thôi, do đó, ban đêm, các Bà-la-môn dò xét thấy Thần trời mà họ đang phụng thờ bưng đèn sang nhiểu quanh tinh xá thờ Phật trong ba ngày và cúng dường. Cúng dường xong bỗng nhiên ẩn mất không còn trông thấy. Các Bà-la-môn mới biết Phật lớn hơn Thần, bèn bỏ nhà vào Đạo.

Tương truyền rằng, gần lúc có việc thiêu đốt tinh xá Kỳ Hoàn ấy, có đến chín mươi tám ngôi Tăng-già Lam và mỗi mỗi đều có chư Tăng thường trú. Chỉ có một ngôi không có. tại trong nước đó có chín mươi sáu thứ ngoại đạo đều biết được việc đời nay và đời sau, đồng thời đều có đồ chúng, cũng điều đi khắc thực, chỉ không trì Bình, cũng lại cầu phước, dựng lại nhà phước đức bên cạnh đường đi đồng trống. Cung cấp mọi thứ phòng nhà giường chỏng các thứ ăn uống cho người đi đường người xuất gia, hành khách qua lại. Chỉ có sự mong cầu là khác vậy. Điều Đạt cũng có Đồ chúng, củng thường cúng dường ba Đức Phật thời quá khứ, chỉ không cúng dường đức Thích-ca Thế Tôn.

Cách Thành Xá Vệ khỏang bốn dặm về hướng động nam là nơi vua Tỳ Lưu Ly muốn đánh chiếm nước Xá Di, nơi Đức Thế Tôn đứng bên cạnh đường, đều có dựng lập Tháp. Từ Thành theo hướng tây đi khoảng năm mươi dặm là đến một ấp tên là Đô Duy là nơi bản sinh của

Đức-Phật Ca Diếp, nơi cha con cùng gặp nhau, nơi nhập Niết Bàn, đều có tạo dựng Tháp. Nơi xá lợi toàn thân Đức Ca Diếp Như Lai cũng tạo dựng ngôi Tháp lớn. Từ Thành Xá Vệ theo hướng đông nam đi khoảng mười hai do diên đến một ấp tên là Na Tỳ Giả là nơi bản sinh của Đức Phật Câu Lưu Tần. Nơi cha con cùng gặp nhau, nơi nhập Niết Bàn, cũng đều có tạo dựng Tháp.Từ đó theo hướng bắc đi gần một do diên là nơi bản sinh của Đức Phật Câu Na Hàm Mâu Ni, nơi cha con cùng gặp nhau, nơi nhập Niết Bàn, đều có tạo dựng Tháp. Từ đó theo hướng tây đi gần một do diên là đến Thành Ca Di La Vệ. Trong Thành đều không còn có vua dân, toàn là gò hoang, chỉ có chúng Tăng. Hộ dân chỉ vài mươi nhà mà thôi. Nơi cung cũ của vua Bạch Tịnh, tạo hình Thái Tử và Thánh Mẫu, và lúc Thái Tử cưỡi bạch tượng vào thai mẹ, Thái Tử ra cửa Thành phía đông thấy người bệnh... các nơi đều có dựng lập Tháp. Nơi A Di cùng Thái Tử và Nam Đà... đánh voi bắn tên, mũi tên bay về hướng đông nam cách ba mươi dặm găm cắm xuống đất khiến nước suối tuông vọt. Người đời sau sữa làm thành giếng để người đi đường dùng uống. Nơi Đức Phật sau khi đã đắc Đạo trở về thăm phụ Vương, năm trăm vị trong giòng học Thích xuất gia đến nơi Ưu Ba Ly để tác lễ, mà đất dấy khởi sáu cách chấn động. Nơi Đức Phật vì chư Thiên giảng pháp, bốn vị Thiên Vương gìn giữ bốn cửa khiến phụ Vương không được vào. Nơi Đức Phật ngồi dưới gốc cây Ni Câu Luật xoay mặt về hướng đông, Tỳ-kheo Ni Đại Ái Đạo dâng cúng Phật y Tăng-già Lê, cây ấy đến nay vẫn hiện còn. Nơi vua Tỳ Lưu Ly giết hại giòng họ Thích, mọi người trong giòng họ Thích đã chết chứng đắc quả Tu Đà Hoàn đều có dựng lập Tháp, đến nay vẫn hiện còn. Cách Thành về hướng đông bắc khoảng vài dặm là nơi vua Tịnh Phạm dự lễ Hạ điền, Thái Tử ngồi dưới gốc cây trông xem người cày ruộng. Cách Thành về hướng đông khoảng năm mươi dặm có một khu vườn của vua, vườn ấy tên là Luận Dân, khi Phu Nhân (Thánh Mẫu Ma Gia) vào ao tắm rửa, ra bờ ao phía bắc cách khoảng mười bước đưa tay vịn cành cây xoay mặt về hướng đông thì sinh hạ Thái Tử. Thái Tử vừa lọt lòng mẹ bước đi bảy bước, có hai Long Vương tắm gội cho Thái Tử. Nơi Thái Tử được tắm gội bèn làm thành giếng, và trên bờ ao nơi tắm rửa, ngày nay chúng Tăng thường lấy nước đó để uống.

Phàm, chư Phật có bốn xứ thường cố định: một là nơi thành Đạo, hai là nơi chuyển pháp luân, ba là nơi giảng pháp luận nghị, hàng phụ ngoại Đạo và bốn là nơi lên cung trời Đạo lợi vì Thánh Mẫu mà giảng pháp xong rồi trở xuống, ngoài ra các nơi đều tuỳ thời mà thị hiện. Tại

nước Ca Di La Vệ vô cùng hoang vắng, dân chúng ít ỏi, đường đi ghê sợ, đến nỗi các loài Bạch Tượng, Sư Tử cũng không dám vọng hành. Từ nơi Đức Phật đản sinh theo hướng đông đi khoảng năm do diên có một nước tên là Lam Mạc, vua nước đó thỉnh được một phần Xá lợi của Phật đem về tạo dựng Tháp để cúng dường gọi là Tháp Lam Mạc. Bên cạnh Táhp có một ao hồ, trong ao có một con rồng thường gìn giữ Tháp đó, đêm ngày cúng dường. Đến thời vua A Dục muốn phá tám ngôi Tháp để xây dựng tám mươi bốn ngàn ngôi Tháp, phá được bảy ngôi Tháp kia rồi, tiếp đến muốn phá Tháp ấy, Rồng bèn hiện thân dẫn vua A Dục vào trong cung trông xem các thứ cúng dường xong rồi nói cùng vua A Dục rằng: "Nếu ông cúng dường hơn được như thế thì có thể tự tiện phá Tháp thỉnh Xá lợi đi, Tôi không cần phải tranh luận với ông." vua A Dục biết các thứ cúng dường đó trong thế gian không sao có được, do đó bèn trở về. Trong đó hoang vắng không người quét tước, thường có một đán voi dùng vòi hút nước đến phun rước nơi đất, dùng các thứ hương hoa lẫn lộn mà cúng dường Tháp. Có Đạo nhân ở nước khác đến muốn lễ bái Tháp đó, gặp voi nên khiếp sợ, bèn nương tựa cây cối mà tự ngăn che thân mình, trông thấy voi đúng như pháp mà cúng dường, Đạo nhân ấy rất tự buồn cảm. Trong đó không có Tăng-già lam nên cúng dường Tháp ấy, mới khiến voi quét tước. Đạo nhân ấy bèn tự Xả Đại giới, trở lại làm vị Sa Di tự kéo cây cỏ sửa sang nơi chốn bằng phẳng khiến được sạch sẽ khuyên hóa vua chúa tạo dựng nơi thường trú của chư Tăng, và chính mình tự làm chủ chùa, đến nay hiện có chỗ chư Tăng nương trú. Việc ấy rất gần, và mãi từ đó đến nay thường là vị Sa Di làm chủ chùa ấy.

Từ đó theo hướng đông đi khoảng ba do diên là đến nơi Thái Tử sai bảo Xa nặc đem ngựa trắng (kiền trắc) trở về, cũng có tạo dựng Tháp. Từ đó theo hướng đông đi khoảng bốn do diên là đến nơi Tháp Than cũng có ngôi Tăng-già Lam. Lại theo hướng đông đi khoảng mười hai do diên là đến Thành Câu Di Ni Kiệt, phía bắc Thành là sông Thọ gian bẹn cạnh sông Hy liên Thuyền, Đức Thế Tôn đến đó gối đầu về hướng bắc mà nhập Niết Bàn, và cũng là nơi Tôn giả Tu Bạt Đà La đắc đạo người Đệ tử cuối cùng trong cuộc đời giáo hóa của Đức Phật. Nơi dùng kim quan cúng dường Đức Thế Tôn bảy ngày, nơi các thần kim cang lực sĩ phóng chày vàng rồng, nơi tám vua phân chia Xá lợi. Các nơi ấy đều có tạo dựng Tháp và có Tăng gia Lam đến nay vẫn hiện còn. Dân chúng trong Thành đó cũng thưa thớt, chỉ có hộ dân chúng Tăng. Từ đó theo hướng đông nam đi khoảng mười hai do diên là đến nơi Lê

Xa muốc thúc giục Đức Phật nhập Niết Bàn, mà Đức Phật chưa hứa khả, bèn luyến mộ Đức Phật mà chẳng chịu đi, Đức Phật bèn hóa làm một hầm hố sâu rộng không thể vượt qua, và Đức Phật trao cho Bình Bát để làm tin, đồng thời bảo trở về nơi nhà dựng lập trụ đá, trên đầu trụ có đề bài minh.

Từ đó theo hướng đông đi khoảng mười do diên là đến nước Tỳ Xá Ly.Phía Thành Tỳ Xá Ly là từng Đại Lâm nơi có tinh xá Trùng Các. Nơi Phật ở và Tháp nữa thân hình của Tôn giả A-nan. Trong Thành đó vốn là nhà của yêm Bà La Nữ vì Đức Phật mà tạo dựng Tháp, đến nay vẫn hiện còn. Từ Thành đó theo hướng nam khoảng ba dặm đi dường đến hướng tây là nơi yêm Bà La Nữ đem vườn đất cúng thí Đức Phật làm nơi Phật ở. Khi Đức Phật sắp nhập Niết Bàn, dẫn cùng các Đệ Tử đi ra cửa phía tây của Thành Tỳ Xá Ly mà bảo cùng các Đệ Tử rằng: "Đây là nơi hành xứ cuối cùng của Tôi !" Người đời sau ở xứ đó cũng tạo dựng ngôi Tháp.

Từ Thành đó theo hướng tây bắc đi khoảng ba dặm có một ngôi Tháp tên là Phóng Cung Trượng (buông bỏ cung tên và roi gậy). Sỡ dĩ có tên gọi ấy là vì ở thượng lưu sông Hằng có một Quốc Vương, phu nhân nhỏ của vua sinh nở một bào thai khối thịt, phu nhân lớn ganh ghét đó mà bảo rằng: "Ngươi sinh ra điềm không tốt lành." và bèn để vào trong hộp gỗ, ném vất giữa dòng sông Hằng. Ở Hạ lưu có vị Quốc Vương đang dạo chơi, thấy hộp gỗ trên dòng sông bèn vớt mở ra trông xem thấy ngàn đứa trẻ con dáng vẻ đoan chánh đặc thù. Vua liền đem về nuôi dưỡng, bèn liền to lớn trưởng thành rất dõng kiện, đi đánh chiếm không xứ nào chẳng khiếp phục, lần lược đến đánh nước của phụ Vương. vua rất buồn rầu, phu nhân nhỏ mới hỏi vua rằng: "Cớ sao buồn bả vậy?" vua đáp: "vua nước kia có ngàn người kia rất lớn mạnh không ai sánh bằng muốn đến đánh nước Ta, vì vậy mà đang lo buồn." Phu nhân nhỏ bảo rằng: "vua chớ nên buồn lo, nếu đến phái đông Thành lầu cao, khi giặc đến để Tôi lên trên lầu đó, thì Tôi có thể dẹp giặc đó." vua bèn y theo lời ấy mà thực hành. Đến lúc giặc đến, phu nhân nhỏ đứng trên lầu đó bảo cùng giặc rằng: "Các ngươi là con của Ta, cớ sao làm việc phản nghịch?" Giặc nói: "Ngươi là người nào? mà dám nói là mẹ của chúng Tôi?" Phu nhân nhỏ bảo: "Nếu các ngươi không tin thì cứ ngửa mặt về đây và há miệng ra." Đồng thời phu nhân nhỏ đưa hai tay dắt lấy hai vú sữa, mỗi bên làm thành năm trăm dòng sữa và đều rơi thẳng vào trong miệng của ngàn đứa con. Giặc mới biết đò là thật là mẹ của mình, bèn liền buông bỏ cung tên gậy trượng. Hai bậc phụ

Vương do đó mà Tư duy bèn đều chứng đắc Quả Bích Chi Phật. Tháp của hai vị Bích Chi Phật ấy đến nay vẫn hiện còn. Sau khi Đức Thế Tôn thành Đạo bảo cùng các Đệ Tử: "Đó là nơi xưa kia Ta buông bỏ cung tên gậy trượng." Người đời sau được biết ở xứ đó mà vì tạo dựng Tháp, nên gọi tên như vậy. Đức Phật đến bên cạnh Tháp phóng cung trượng, bảo cùng A-nan rằng: "Ba tháng sau Ta sẽ nhập Niết Bàn." Khi đó bị ma vương quấy nhiễu nên Tôn giả A-nan không hay biết để thỉnh cầu Đức Phật ở lại nơi đời.

Từ đó, theo hướng đông, đi khoảng ba - bốn dặm có một ngôi Tháp, sau khi Đức Phật nhập Niết Bàn khoảng một trăm năm, có vị Tỳ-kheo ở Tỳ Xá Ly đặt bày hành giới luật, nói mười sự chứng và cho Phật dạy như thế. Khi ấy các vị A-la-hán và những Tỳ-kheo chuyên hành trì luật có đến bảy trăm vị đồng kiểm xét lại luật tạng. Người đời sau ở xứ đó cũng xây dựng Tháp đến nay vẫn hir65n còn. Từ đó theo hướng đông đi khoảng bốn do diên là đến nơi nhóm hợp của năm dòng sông xứ Ấn Độ. Tôn giả A-nan từ nước Ma Kiệt đến Tỳ Xá Ly muốn nhập Niết Bàn, chư Thiên mách bảo cùng vua A Xà Thế. vua A Xà Thế liền từ trong nghiêm xa giá dẫn các dân dĩ đến nghinh đón trên bờ sông. Bên kia, các Lê Xa nghe Tôn giả A-nan đến cũng cùng lại trên bờ sông để nghinh đón. Tôn giả A-nan bèn tư duy rằng: "Nếu đi đến phía trước thì vua A Xà Thế rất hận, còn đi lui thì Lê Xa lại oán !" Bèn ngay giữa dòng sông, Tôn giả nhập Hoả quang Tam muội tự thiêu đốt thân mình mà nhập Niết Bàn. Phân thân thành hai phần, mỗi phần mỗi bên bờ sông, do đó hai vua mỗi tự một nữa thân phần Xá lợi của Tôn giả A-nan, bèn nghinh thỉnh trở về xây Tháp để cúng dường.

Vượt qua dòng sông, theo hướng nam đi xuống là đến ấp Ba Liên Phất thuộc nước Ma Kiệt Đề. Ấp Ba Liên Phất là Thành nơi vua A Xà Thế trị vì. Cung điện của vua ở trong Thành đều sai sử quỷ thần làm nhiều lớp đá dựng tạo tường vách cửa nẻo, khắc chạm hoa văn đường nét khác hẳn người đời làm nên, đến nay vẫn hiện còn. vua A Xà Thế có người con đã chứng đắc Đạo quả A-la-hán thường ở trong núi Kỳ Xà Quật, ưa thích sự tĩnh lắng, vua sinh tâm kính trọng muốn thỉnh mời về nhà để cúng dường, nhưng vì ưa thích sự tĩnh lắng ở núi nên chẳng nhận lời thỉnh mời. vua nói cùng Em rằng: "Chỉ cần nhận lời thỉnh mời thì Tôi sẽ vì Ông mà tạo núi ở trong Thành." Và vua liền sắm sinh đủ các thứ ăn uống mời gọi các quỷ thần bảo rằng: "Sáng mai hẳn đã nhận sự thỉnh mời của Ta, nhưng ở đây toàn không có tòa tịch, mỗi mỗi đều phải tự mang đến." Tới sáng sớm, các quỷ thần mỗi tự mang đến một

tảng đá lớn vuông bốn - năm bộ, ngồi xong liền sai quỷ thần chất nhiều đá lớn làm thành núi. Ở dưới đáy núi dùng năm tảng đá lớn làm một thạch thất dài ba trượng, rộng hai trượng, cao một trượng. Có một Bà-la-môn Tử tu theo Pháp Đại Thừa ở trong Thành đó, là người thông minh sáng toả lắm trí, không việc gì chẳng thông đạt, lấy sự thanh tịnh mà tự sống, vua rất sùng kính phụng thờ như bậc thầy, như có sang thăm hỏi trọn chẳng dám cùng ngồi. Giả sử vua có dùng tâm mến kính mà nắm tay, nắm tay rồi, Bà-la-môn tử ấy liền tẩy rửa, tuổi khoảng ngoài năm mươi mà cả nước nhà đều cùng chiêm ngưỡng, nhờ một người ấy hoằng dương Phật pháp mà các ngoại Đạo chẳng dám lấn lước chúng Tăng. Ở bên cạnh Tháp vua A Dục tạo dựng một ngôi Tăng-già Lam rất trang nghiêm tráng lệ, cũng có chùa Tiểu thừa, hợp cả thảy có khoảng sáu bảy trăm vị Tăng, oai nghi tường tự rất khả quan. Các bậc Sa-môn cao đức và những người học hỏi muốn tìm cầu nghiên lý, đều đến chùa đó. Thầy của Bà-la-môn Tử cũng tên là Văn Thù Sa Lợi. Các bậc Sa-môn Đại Đức, các vị Tỳ-kheo học Pháp Đại Thừa đều tôn sùng kính ngưỡng, cũng cùng ở trong Tăng gia Lam ấy. Dân chúng đông đúc hưng thạnh đua nhau làm mọi việc nhân nghĩa.

Thường năm vào mồng tám tháng hai tác lễ hành tượng, làm xe bốn bánh, buộc tre làm năm tầng, có nhân nhổ vọt cản cao hơn hai trượng, hình trạng như Tháp, dùng bông tơ trắng buộc ở trên, sau đó mới họa vẽ làm tượng trời, dùng các thứ vàng bạc lưu lt trang sức ở trên, treo các phan lọng ở bốn phía làm khám, đều có tôn tượng Đức Phật ngồi, Bồ-tát đứng hầu. Có đến hai mươi xe, mỗi mỗi xe trang nghiêm mỗi khác. Đến ngày đó, các hàng Đạo tục khắp trong địa vức đều nhóm tập làm xưởng kỳ nhạc, cúng dường trương hoa. Bà-la-môn Tử đến nghinh thỉnh Phật, Tôn tượng Phật lần lược vào Thành. Đã vào trong Thành trãi qua vài ba đêm, suốt đêm đốt đèn xướng tác kỷ nhạc cúng dường, mỗi mỗi nước đều như vậy. Các hàng Trưởng giả cư sĩ trong nước đó đều đến trong Thành tạo dựng nhà thuốc thang phước đức, tất cả những người bệnh nghèo khổ cô quạnh không nơi nương tựa đều đến chữa trị tại Bệnh Xá đó, thầy thuốc khám bệnh, cung cấp mọi thứ tuỳ nghi uống ăn khiến đều được an lạc. Sau khi lành bệnh thì tự đi.

Lúc vua A Dục phá bảy ngôi Tháp để tạo dựng tám mươi bốn ngàn ngôi Tháp, ngôi Tháp lớn tạo dựng đầu tiên là cách Thành đó hơn ba dặm về phía nam. Trước Tháp đó có dấu vết xây dựng tinh xá Phật, cửa xoay về hướng Tháp. Ở phía nam của Tháp có một trụ đá chu vi khoảng trượng bốn - năm, cao hơn ba trượng. Trên đầu trụ Đá có đề

bài minh là: "vua A Dục đem cỏi Diêm Phù về cúng thí chư Tăng mười phương, sau lại dùng tiền để chuộc." Ba lớp ghi viết như thế. Cách Tháp khoảng ba bốn trăm bộ về phía bắc là nơi vua A Dục làm Thành Địa Ngục. Trong Thành Địa Ngục có một trụ Đá cao hơn ba trượng, trên đầu trụ có làm hình con sư tử. Và trên trụ cũng có bài minh ghi về nguyên nhân tạo dựng Tháp Địa Ngục, cũng như năm tháng ngày giờ.

Từ đó theo hướng đông nam, đi khoảng chín do diên là đến núi Nhất Tâm Cô Thạch. Trên đầu núi có Thạch Thất. Ở phía nam Thạch Thất xưa kia Đức Phật an toạ trong đó, là nơi trời Đế Thích đem các thứ nhạc trờ như Ban già đàn cầm đến cúng dường. Trời Đế Thích nêu hỏi bốn mươi hai sự việc cùng Đức Phật, mỗi mỗi đều dùng ngón tay họa vẽ lên Đá, dấu vết họa vẽ vẫn còn như cũ. Trong đó cũng có ngôi Tăng-già Lam. Từ đó, theo hướng đông nam đi một do diên là đến tụ lạc Na La là thôn xóm quê cũ của Tôn giả Xá Lợi Phất. Tôn giả Xá Lợi Phất trở lại trong thôn xóm đó mà nhập Niết Bàn, mọi người xứ đó cũng có tạo dựng ngôi Tháp, đến nay vẫn hiện còn. Từ đó, theo hướng tây đi khoảng một do diên là đến Thành Vương Xá mới. Thánh mới đó là do vua A Xá Thế tạo dựng nên, trong đó có hai ngôi Tăng-già Lam. Ra khỏi cửa Thành phía tây khoảng ba trăm bộ là nơi A Xà Thế chia được một phần Xá lợi của Đức Phật mà tạo dựng Bảo Tháp để cúng dường. Tháp đó rất cao lớn nghiêm lệ. Ra khỏi cửa Thành hướng nam cách chừng bốn dặm, theo hướng nam vào hang, đến trong núi gồm năm ngọn. Năm ngọn núi ấy chu vi tướng trạng như Thành quách, tức là Thành xứa cũ của vua Tần Bà Sa. Hai phía đông tây của Thành rộng khoảng năm sáu dặm hai phía nam bắc của Thành dài khoảng bảy tám dặm. Là nơi Tôn giả Xá Lợi Phất và Mục-kiền-liên đầu tiên thấy Ất Bính, là nơi Ni Kiền tử làm hầm lữa cơm độc mà thỉnh mời Đức Phật thọ nhận, nơi vua A Xà Thế cho voi dữ uống rượu muốn hại Đức Phật.

Ở góc cong thuộc phía đông bắc của Thành xưa kia là trong vườn của Yêm Bà La xây dựng tinh xá để thỉnh mời Đức Phật cùng một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ-kheo để cúng dường, nay vẫn còn như cũ. Trong Thành đó hoang vu không có người ở. Vào hang men theo núi đi lên hướng đông nam khoảng mười lăm dặm là đến núi Kỳ Xà Quật. Chưa đến đầu núi khoảng ba dặm có một hang đá xoay mặt về hướng nam là nơi xưa kia Đức Phật thường toạ thiền, theo hướng tây bắc cách chừng ba mươi bộ lại có một hang đá là nơi Tôn giả A-nan thường toạ Thiền trong đó, Ma Ba Tuần hóa làm chim Điêu Thứu đến đứng trước cửa hang khủng bố A-nan, Đức Phật dùng sức Thần túc cách vách đá

duổi tay xoa chạm vai A-nan, sự khiếp sợ trong người A-nan liền ngưng dứt. Dấu vết nơi chim đậu và lỗ Đức Phật duổi tay đến nay vẫn hiện còn. Nên gọi là hang núi Điêu Thứu. Trước hang có bốn chỗ Đức Phật ngồi, lại cũng có chỗ của các vị A-la-hán mỗi mỗi thường toạ Thiền đến số trăm. Lúc Đức Phật kinh hành ở hai hướng đông tây trước Thạch Thất, Điều Đạt ở nơi hiểm hóc tại phía bắc núi xô đẩy lăn đá làm tổn thương ngón chân Đức Phật, tại nơi đó Tảng Đá vẫn hiện còn. Giảng đường nơi Đức Phật thường nói pháp đã hư nát chỉ còn lại nền móng vách tường gạch. Trên đỉnh núi đó xinh đẹp oai hùng là nơi cao nhất trong năm ngọn núi.

Ngài (Pháp Hiển) mua sắm các thứ hương hoa dầu đèn trong Thành mới rồi thỉnh nhờ hai vị Tỳ-kheo Kỳ cựu ở đó đưa dẫn đến núi Kỳ Xà Quật, dâng cúng hương hoa, chong đèn sáng rực rỡ liên tục, Ngài tự bùi ngùi rỏ lệ mà nói rằng: "Xưa kia Đức Phật ở đây giảng nói kinh Thủ Lăng Nghiêm. Pháp Hiển con đây sinh đời không được gặp Phật, chỉ được tấy nơi di tích mà thôi !" Và liền ở trước hang đá, ngài trì tụng kinh Thủ Lăng Nghiêm. Dừng ở lại đó một đêm rồi trở về Thành mới. Ra phía bắc Thành cũ đi hơn ba trăm bộ đường về phía tây là nơi tinh xá Trúc Viên Ca Lan Đà, nay vẫn hiện còn. Có chúng Tăng quét tước tinh xá. Theo hướng đi khoảng ba bốn dặm là đến nơi có Thi - Ma - Sa - Na, Thi - Ma - Sa - Na Trung Hoa dịch nghĩa là Đồng ruộng mộ chôn bỏ người chết. Men theo hướng tây nam của núi đi khoảng ba trăm bộ có một Thạch Thất tên là Tân Bà La Quật, là nơi sau khi thọ trai Đức Phật thường toạ Thiền tại đó.

Lại đi theo hướng tây cách năm sáu dặm vào trong phía bắc của núi có một Thạch Thất tên là Xa Đế, là nơi năm trăm vị A-la-hán kết tập kinh điển sau khi Đức Phật vừa mới nhập Niết Bàn. Lúc kết tập Kinh Tạng, thiết bày ba tòa cao rất trang nghiêm, Tôn giả Xá Lợi Phất ngồi phía tả, Tôn giả Mục-kiền-liên ngồi phía hữu (1) [Hai Tôn giả Xá Lợi Phất và Mục-kiền-liên đều tịch trước Đức Phật]. Trong số năm trăm vị thiếu một vị A-la-hán, Tôn giả Đại Ca Diếp làm Thượng Toạ, khi ấy Tôn giả A-nan ở ngoài cửa thất không được vào. Tạo nơi đó cũng có tạo dựng ngôi Tháp đến nay vẫn hiện còn. Men theo núi cũng có những hang đá nơi các vị A-la-hán toạ Thiền rất nhiều. Ra khỏi phía đông bắc Thành cũ đi khoảng ba dặm, có hang Đá của Điều Đạt, cách đó năm mươi bộ có một tảng đá sắc đen vuông lớn, là nơi xưa kia có vị Tỳ-kheo kinh hành trên đó tư duy tự thân là Vô Thường, Khổ, Không, thành đạt pháp Quán Bất tịnh nên nhàm chán tự thân, liền nắm dao muốn tự giết

hại, lại suy nghĩ Đức Thế Tôn chế giới cấm không được tự giết hại, đồng thời quán xét tuy vậy nhưng ngày nay Ta chỉ muốn giết giặc ba độc, nên bèn tự giết thân mình, lác dao vừa mới lóc vào thịt liền chứng quả Tu Đà Hoàn, khi lác dao vào một nữa thì chứng quả A Na hàm, và khi cắt đứt nagng thịt thì chứng quả A-la-hán và bèn nhập Niết Bàn.

Từ đó đi theo hướng tây cách khoảng bốn do diên là đến Thành già Na. Trong Thành đó cũng hoang vắng trống không. Lại đi theo hướng nam khoảng hai mươi dặm là đến nơi xưa kia Bồ-tát suốt sáu năm tu hành khổ hạnh, nơi đó có rừng cây. Từ đó theo hướng tây đi khoảng ba dặm là đến nơi dòng nước Đức Phật xưa kia vào tắm rửa, trời hóa đặt cành cây, Đức Phật men theo đó mà ra được khỏi dòng sông. Lại theo hướng bắc đi khoảng hai dặm là đến nhà người nữ dâng cúng sữa và cháo nhừ lên Đức Phật. Lại theo hướng bắc đi khoảng hai dặm là đến nơi Đức Phật ngồi trên Tảng Đá dưới gốc cây Đại Thọ xoay mặt về hướng đông mà ăn cháo. Cây và tảng đá đó đến nay vẫn hiện còn. Tại trung tâm Ấn Độ mứa nắng rất điều hòa nên cây cối sống đến cả ngàn năm. Có cây sống đến cả vạn năm. Từ đó theo hướng đông bắc đi khoảng nữa do diên là đến một hang đá, nơi xưa kia Bồ-tát vào trong đó xoay mặt về hướng tây ngồi kiết già mà tự tâm niệm rằng: "Như Ta được thành Đạo thì phải có Thần ứng linh nghiệm." Liền đó trên vách đá có ảnh Phật hiện cao lớn ba thước, đến nay vẫn còn sáng rõ. Bấy giờ trời đất chấn động, các vị trời ở giữa không trung bạch cùng Bồ-tát rằng: "Đây không phải là nơi ở quá khứ ở tương lai chứng đắc Đạo Qủa. Từ đây theo hường tây nam đi khoảng gần nữa do diên đến dưới gốc cây Bối Đa đó là nơi chư Phật ở quá khứ ở tương lai chứng đắc Đạo Quả." Các vị trời nói lời ấy rồi bèn dẫn đường đi trước, Bồ-tát đứng dậy đi theo, vừa cách khoỉ gốc cây khoảng ba mươi bộ, trời trao cho ôm cỏ cát tường, Bồ-tát nhận lấy rồi đi khoảng mười lăm bộ, có một đàn chim tước sắc xanh năm trăm con bay nhiểu quanh Bồ-tát ba vòng mà đi. Bồ-tát đến dưới gốc cây Bối Đa, trãi ôm cỏ Cát tường, xoay mặt về hướng đông mà ngồi. Khi ấy ma vương sai ba ngọc nữ từ phía bắc đến thử, ma vương từ phía nam lại thử, Bồ-tát đưa ngón chân ấn xuống đất, ma binh chạy lui tán loạn, ba ngọc nữ biến thành bà già. Trên đêy từ rừng, nơi Bồ-tát suốt sáu năm tu khổ hạnh và các nơi, người đời sau đều có tạo dựng Tháp tượng trong đó. Đến nay đều hiện còn.

Nơi, Đức Phật sau khi thành Đạo bảy ngày trông nhìn cây hưởng thọ pháp lạc. Nơi Đức Phật ngồi trên tảng đá vuông xoay mặt về hướng đông dưới gốc cây Ni Câu Luật, các vị Phạm Vương đến thỉnh cầu Đức

Phật giảng pháp. Nơi chư Thiên hóa làm nhà bảy báu để cúng dường Đức Phật bảy ngày. Nơi văn lân rùa mù bảy ngày nhiểu quanh Đức Phật. Nơi bốn vị Thiên Vương dâng Bình Bát cúng dường Đức Phật. Nơi năm trăm người buôn bán dâng cúng bột gạo rang và mật. Nơi Đức Phật hóa độ ba anh em giòng họ Ca Diệp và cả thảy bảy thầy trò có một ngàn vị. Các nơi đó đều có dựng lập Tháp. Nơi Đức Phật thành Đạo có ba ngôi già Lam và đều có chư Tăng ở đó. Chư Tăng được dân chúng cung cấp mọi thứ rất đầy đủ không thiếu thốn gì. Chư Tăng hành trì giới luật trang nghiêm, oai nghi đi đứng ngồi nằm vào chúng đều đúng như pháp, kể từ thời Đức Phật tại thế mãi đến nay vẫn như vậy. Sau khi Đức Phật nhập Niết Bàn trở lại nay nơi bốn ngôi Tháp lớn đều vẫn tương tục tiếp nối không ngưng dứt, nơi bốn ngôi Tháp lớn là nơi Đức Phật đản sinh, nơi Đức Phật thành Đạo, nơi Đức Phật chuyển pháp luân và nơi Đức Phật nhập Niết Bàn.

Đời xưa trước, bấy giờ vua A Dục là một đứa trẻ đang vui đùa giữa đường, gặp Đức Phật Ca Diếp đi khất thực, đứa bé vui mừng vốc nắm đất bột dâng cúng Đức Phật, Đức Phật Ca Diếp đem về rãi nơi thường ngày kinh hành, do duyên lành mà vua A Dục đời nay được làm Thiết luân Vương là vua cõi Diêm Phù Đề, nhân lúc Thiết luân Vương tuần du nơi Diêm Phù Đề thấy giữa khoảng hai núi Thiết Vi là nơi Địa Ngục trừng trị tội nhân. vua liền hỏi Quần Thần đó là nơi nào? Cá thần đáp: "Đó là nơi vua Diêm La trị tội người." vua bèn tự suy niệm rằng: "Quỷ Vương còn có thể làm Địa ngục để trừng trị tội người. Ta là chúa trong loài người, Cớ sao không làm Địa ngục để trị tội người ư?" Và liền hỏi Quần Thần: "Ai là người có thể làm Địa ngục chủ để trừng trị người tội?" Quần thần đáp: "Chỉ có người cực ác mới có thể làm vậy." vua liền sai bảo Quần thần đi khắp nơi tìm kiếm người ác. Thấy bên bờ ao có một người tướng trạng to lớn, sắc mặt sạm đen, tóc vàng mắt xanh, đưa cẳn chân câu bắt cá, miệng kêu hú các loài cầm thú, cầm thú lại bèn liền bắn giết không vật nào được thoát. Tìm kiếm được người ấy rồi dẫn đến cho vua. vua kín sai bảo người đó rằng: "Ông làm tường thành cao bốn phía, phía trong trồng các loại cây trái, làm ao tắm rửa xinh đẹp, trang trí các thứ nghiêm lệ khiến người khát ngưỡng, nơi lao ngục làm cửa đóng chắn, có người nào vào liền bắt trị tội, khiến chẳng được thoát ra. Giả sử như Ta có vào cũng trị tội không tha. Nay trao phong cho Ông vì Ta mà làm chủ Địa ngục." Khi ấy có vị Tỳ-kheo lần lược đi khuất thực bước vào cửa đó, ngục tốt trông thấy bèn liền muốn trị tội. Vị Tỳ-kheo ấy kinh sợ, cầu xin cho hoảng đãi thời gian chừng bữa ăn,

chốc lát lại thấy người khác đi vào, ngục tốt bắt bỏ vào cối xay giã đâm trào nước dãi sắc đỏ. Trông thấy rồi vị Tỳ-kheo ấy tư duy "Thân này là vô Thường, là Khổ, là Không, chỉ như bọt bóng như nước dải !" Và liền chứng đắc quả vị A-la-hán. Thế rồi ngục tốt bắt bỏ vào trong vạc nước sôi, vị Tỳ-kheo ấy tâm thức hỷ hoan bỗng nhiên lửa tắt nước mát lạnh, trong vạt mọc lên hoa sen, vị Tỳ-kheo ấy lên ngồi trên hoa sen. Khi ấy ngục tốt bèn sang tấu trình cùng vua: "Trong ngục có sự kỳ quái xin vua hãy sang đó trông xem." vua bảo: "Ngày trước Ta có thề ước nay không dám sang." Ngục tốt bảo: "Đây chẳng phải việc nhỏ, vua nên nhanh sang. Cần sửa đổi sự thề ước trước kia." vua liền theo ngục Tốt đi vào. Vị Tỳ-kheo ấy vì vua mà giảng pháp. vua được tin hiểu, liền phá hoại Địa ngục, sám hối những việc tội ác ngày trước, do đó mà tin trọng Tam bảo, thường đến dưới gốc cây Bối Đa sám hối lỗi quá tự trách chính mình, phát tâm thọ trì tám pháp trai giới. Phu nhân của vua hỏi vua thường đi đâu vậy? Quần thần đáp: "vua thường đến dưới gốc cây Bối Đa." Phu nhân bèn dò xét lúc không có vua đến đó liền sai bảo người chặt phá cây ấy đổ ngã. vua đến trông thấy được bèn mê loạn ngã té nơi đất, Quần Thần lấy nước rưới vào mặt, giây lát sau vua mới tỉnh lại, liền đem gạch chất nhiều lớp bốn phía dùng trăm bình sữa bò rưới vào rể cây, vua buông xuội thân mình nơi đất mà phát lời thề rằng: "Nếu cây không sống lại thì tôi sẽ không đứng dậy." Phát lời thề ấy rồi, liền ngay trên rễ cây đâm cành nhánh, mãi đến ngày nay cây cao gần mười trượng.

Từ đó theo hướng nam đi gần ba dặm, đến một quả núi tên là Kê Túc. Hiện nay Tôn giả Đại Ca Diếp đang ở trong núi đó, bửa xuống núi để đi vào, nơi vào chẳng dung dạng, có người vào xuống rất xa, có lỗ hổng bên cạnh, toàn thân Tôn giả Đại Ca Diếp hiện ở trong đó, phía ngoài lỗ trống có chổ đất nơi Tôn giả vốn rửa tay. Người ở xứ đó như có ai bị đau đầu dùng đất đó bôi thoa bèn liền khoẻ mạnh. Nếu người nào có tâm sâu dày, ban đêm liền có vị La - Hán đến cùng luận bàn giải thích mọi điều nghi, xong bỗng ẩn mất. Tại núi đó câu cối rậm rạp tốt tươi, lại có lắm sư tử hổ lang, không thể vọng hành (tự tiện rão đi).

Ngài (Pháp Hiển) trở về lại hướng ấp Ba Liên Phất, thuận theo hường tây sông hằng đi xuống khoảng mười do diên, có một ngôi tinh xá tên là Khoáng Dã, là nơi Đức Phật đã từng dừng ở, hiện nay cũng có chư Tăng. Lại theo hướng tây dọc bờ sông Hằng đi mười hai do diên là đến Thành Ba La Nại thuộc nước Ca Thi, ở phía đông bắc Thành cách chừng mười dặm là có tinh xá Tiên nhân lộc dã uyển. Trong vườn

(uyển) đó vốn là nơi ở của vị Bích Chi Phật, thường có những con nai hoang dã đến nương náu qua đêm. Xưa kia, lúc Đức Thế Tôn sắp thành Đạo, chư Thiên ở giữa không trung xuống lời rằng: "Con của vua Bạch Tịnh xuất gia học Đạo, sau đây bảy ngày sẽ thành Phật Quả." Vị Bích Chi Phật ấy nghe lời đó rồi bèn nhập Niết Bàn nên gọi xứ đó là Tiên Nhân Lộc dã uyển. Sau khi Đức Thến Tôn đã thảnh Đạo, mọi người ở xứ đó lập dựng tinh xá. Đức Phật muốn hóa độ Câu Lân ...cả thảy năm người. Năm người ấy cùng nói với nhau rằng: "Sa-môn Cù Đàn ấy sáu năm tu khổ hạnh mỗi ngày chỉ ăn một hạt mè nột hạt gạo còn chưa đắc Đạo, huống gì vào trong nhân gian phóng túa thân miệng ý, Đạo nào có vậy? Ngày nay nếu đến, thì chúng ta hãy thận trọng chớ cùng nói năng. Nói Đức Phật đến, năm người ấy đứng dậy lễ bái. Lại đi hướng bắc đi khoảng sáu mươi bộ là nơi Đức Phật xoay mặt hướng đông mà ngồi bắt đầu chuyển pháp luân hóa độ Câu Lân ...cả năm người. Phía bắc nơi đó cách khoảng hai mươi bộ là nơi Đức Phật vì ngài Di Lặc mà thọ ký. Phía nam cách đó khoảng năm mươi bộ là nơi y La Bát Long hỏi Đức Phật về lúc nào mới được thoát khỏi thân rồng ấy. Các nơi đều có tạo dựng Tháp, đến nay hiện còn. Trong đó có hai ngôi Tăng-già Lam đều có chúng Tăng ở.

Từ tinh xá Lộc dã uyển theo hướng tây bắc đi khoảng mười ba do diên, đến một nước tên là Câu Diệm Di, trong đó có tinh xá tên là Cù Sư La Viên, là nơi xưa kia Đức Phật có dừng ở. Nay hiện có chúng Tăng, phần nhiều học theo Pháp Tiểu thừa. Từ đó theo hướng đông đi khoảng tám do diên, xưa kia Đức Phật vốn ở nơi đó hóa độ ác quỷ, và Đức Phật cũng từng ở nơi đó kinh hành toa Thiền, đều có tạo dựng Tháp, cũng có Tăng-già Lam và có khoảng hơn trăm vị Tăng thường ở đó. Từ đó theo hướng nam đi khoảng hai trăm do diên là đến một nước tên là Đạt Thẩn (bằng Sấn), có ngôi Tăng gia Lam trong đời quá khứ thời Đức Phật Ca Diếp, đục xuyên núi đá lớn mà làm thành, Tính Xá đó có năm tầng, tầng thấp cuối hết làm hình tượng, có năm trăm gian phòng nhà, ở tầng thứ hai làm hình tượng Sư Tử, có năm trăm Thạch Thất, ở tầng thứ ba làm hình tượng ngựa, có ba trăm gian phòng, ở tầng thứ tư, làm hình tượng trâu có hai trăm gian phòng. Trên hết có suối nước, mem theo Thạch Thất nhiểu quanh trước các phòng mà chảy, xoay chuyển quanh co như thế xuống tầng thấp dưới cùng theo cửa tuông đổ ra. Chư Tăng ở trong thất nơi nơi đều đục đá làm cửa sổ để thông ánh sáng, trong phòng thất sáng rõ không bị tối tăm, bốn góc phòng thất đục xuyên đá làm thềm cấp để đi lên, nơi đó, người đời nay thân hình nhỏ có thể men theo thềm

cấp mà lên thẳng được một cẳng chân người xưa nơi dẫm đạp, nhân đó mà gọi tên chùa đó là chùa Ba La Việt. Ba La Việt là tiếng Thiên Trúc, Trung Hoa dịch nghĩa là chim Cáp (Bồ Câu). Trong chùa đó thường có những vị La - Hán ở. Xứ đó đất đồi hoang vắng không dân chúng ở. Cách núi rất xa mới có thôn xóm, người trong thôn xóm ấy đều là người Tà Kiến không biết Phật pháp. Các hàng Sa-môn, Bà-la-môn và các xị Dị học. Dân chúng nước đó thường thấy có người bay lại vào trong chùa ấy. Bấy giờ có các Đạo nhân ở nước khác muốn lại để bái chùa đó, người dân trong thôn xóm ấy bảo rằng: "Sao càc Ông chẳng bay lại ư? Chúng tôi thấy các Đạo nhân ở đây đều bay ra vào." Đạo nhân bèn phương tiện đáp: "Vì lông cánh chưa thành nên chưa bay được." Ở nước Dạt Thẩn, đường xá hiểm trở khó khăn, mà biết nơi muốn sang cần phải mang tiền đút lót vua nước đó. Về sau vua nước đó mới sai người lần lược chỉ bày con đường tắt. Ngài (Pháp Hiển) trọn không sang được nơi đó, chỉ nghe người ở xứ đó nói nên trình bày lại như vậy.

Từ nước Ba La Nại theo hướng đông đi trở lại ấp Ba Liên Phất, Ngài (Pháp Hiển) vốn muốn đi tìm cầu giới luật, mà các nước thuộc bắc Thiên Trúc, các đời sư tử chỉ truyền miệng, không có văn bản ghi tả. Do đó Ngài phải xa giẫm trãi đến trung Thiên Trúc (trung tâm Ấn Độ), vào nơi một ngôi Tăng-già Lam Đại Thừa mới có được một bộ luật tức Bộ luật Ma-ha Tăng Kỳ. Khi Đức Phật còn tại thế, đại chúng hành trì Bộ luật ấy trước tiên, bản luật đó được truyền tại tinh xá Kỳ Hoàn. Ngoài ra mười tám bộ luật mỗi mỗi đều có thầy trò, phần lớn kết quy chẳng khác, nhưng các phần nhỏ có sự chẳng đồng, hoặc sử dụng mở bít chỉ bộ đó là hơn cả, lá Quảng thuyết đầy đủ cả thảy. Ngài lại gặp được một bộ luật sao có đến bảy ngàn kệ tụng, tức là bộ luật cúng chúng Tăng ở đất Tần (Trung Hoa) hiện hành trì, nhưng cũng đều qua các đời sư sư truyền miệng trao truyền lẫn nhau không ghi chép bằng văn tự. Lại ở trong chúng đó có được Bộ Tạp A-tỳ-đàm Tâm có sáu ngàn kệ tụng, lại có được một bộ kinh có đến hai ngàn năm trăm kệ tụng, lại có được một quyển kinh phương đẳng Bát Niết Bàn có đến năm ngàn kệ tụng. Lại có được Ma-ha tăng Kỳ A-tỳ Đám, nên Ngài (Pháp Hiển) dừng ở lại đó suốt ba năm, học phạm thư phạm ngữ, ghi tả luật. Sa-môn Đạo Chỉnh khi đã đến Trung Thiên Trúc, thấy phép tắc của hàng Sa-môn, oai nghi của chúng Tăng mỗi mỗi sự đều rất đáng ưa thích, mới nghĩ nhở tự than "ở đất Tần (Trung Hoa) là xứ biên địa, chúng Tăng khiếm khuyết giới luật." Và phát lề thề nguyện: "Từ nay trở đi cho đến ngày thành tựu quả Phật, nguyện chẳng sinh ở xứ biên địa." Nên bèn dừng

ở tại Trung Thiên Trúc, chẳng trở về. Còn bản tâm Ngài (Pháp Hiển) muốn khiến giới luật lưu truyền rộng rãi ở Trung Hoa, nên đành một mình một bóng trở về.

Dọc theo hướng đông sông Hằng đi xuống mười tám do diên, bên bờ phía nam sông Hằng có một nước lớn tên là Chiêm Ba, trong nước đó có tinh xá nơi Đức Phật kinh hành và bốn nơi Đức Phật toạ Thiền thảy điều xây dựng Tháp và có chúng Tăng hiện ở tại đó. Từ đó theo hướng đông, đi gần năm mươi do diên là đến nước Ma Lê Đế tức nơi cửa biển. Nước đó có hai mươi bốn ngôi Tăng già Lam, đều có chư Tăng ở, Phật pháp cũng rất hưng thạnh. Ngài (Pháp Hiển) dừng ở lại đó hai năm, ghi tả các bộ kinh và họa Tôn Tượng. Từ đó, theo thuyền lớn của thương buôn trôi nỗi theo đường biển, từ phía tây nam bờ biển ngay đêm đầu tiên gặp được gió đông thổi mạnh suốt mười bốn ngày đêm bèn về đến nước sư tử. Người ở xứ đó nói cách xa khoảng bảy trăm do diên. Nước đó vốn tại Châu Thượng, hai phía đông tây dài năm mươi do diên, hai phía nam bắc rộng ba mươi do diên, ở hai phía tả hửu các châu có đến số trăm, khoảng cách xa hoặc mười dặm, hai mươi dặm, hoặ đến hai trăm dặm tất cả đều phụ thuộc châu lớn, lưu xuất lắm nhiều châu ngọc quý báu, hoặc có cả ngọc ma Ni. Địa vức đó rộng khoảng mười dặm, vua sai bảo người gìn giữ, như có người nhặc được mười phần thì lấy lại ba phần. Nước đó vốn không có người dân, chỉ có Quỷ Thần và Rồng ở. Thương nhân ở các nước cùng đến trao đổi mua bán. Lúc trao đổi, Quỷ thần chẳng tự hiện thân, chỉ đưa ra vật báu và đề nêu giá trị, thương nhân thì y cứ theo trị giá mà mua lấy vật. Do đó mà thương nhân qua lại dừng ở, nên người ở các nước nghe xứ đó an lạc, thảy đều cùng đến, từ đó trở thành đất nước lớn. Tại nước đó khí tiết điều hòa không có đông hạ sai khác. Cây cỏ thường tươi tốt, ruộng đất gieo rồng tuỳ theo ý người không có thời tiết. Xưa kia, Đức Phật đến nước đó, muốn giáo hóa rồng ác độc, nên dùng sức Thần túc, một chân đạp trên phía bắc Thành vua, một chân đạp trên đảnh núi. Hai vết dấu chân đó cách nhau khoảng mười lăm dặm. Trên dấu vết ở phía bắc Thành vua có tạo dựng một ngôi Tháp lớn cao bốn mươi trượng, dùng vàng bạc để trang nghiêm các vật báu hợp thành. Bên cạnh Tháp lại xây dựng một ngôi Tăng-già Lam đề tên là Vô Uý. Tại núi đó có năm ngàn vị Tăng cúng ở. Có xây dựng một điện Phật, dùng các thứ vàng bạc để khắc chạm và trang sức bằng các vật báu. Trong đó có một tôn tượng Phật bằng ngọc xanh cao ba trượng, khắp thân tôn tượng thảy đều là vật báu ánh ngời oai tướng nghiêm hiển, không ngôn từ nào có thể nói ghi hết được.

Trong lòng bàn tay phải có một viện Bảo Châu vô giá.

Vì đã nhiều năm xa rời Trung Hoa, và những nơi giao tiếp đều khác địa vức khác con người, núi sông cây cỏ khắp mắt không gì là quen cũ, lại thêm những người bạn đồng hành lần lược phân chiết, hoặc vị ở lại, hoặc vị qua đời, trông nhìn cảnh vật chỉ còn một mình nên trong lòng Ngài (Pháp Hiển) thường buồn thương, bỗng nhiên ở bên cạnh tôn tượng ngọc xanh ấy có người thương buôn dùng cuộn lụa quyên trắng cúng dường, bất giác bùi ngùi lệ trào hoen my. vua trước của nước đó sai sứ đi đến Trung Thiên Trúc chiết lấy một cây con Bối Đa đem về trồng bên cạnh Điện Phật cao khoảng hai mươi trượng. Cây đó nghiêng về phía đông nam, vua sợ cây ngã đổ nên dùng tám - chín cây trụ tròn để chống đỡ cây, ở chỗ cây trụ chống đỡ bèn mọc xuyên qua trụ đâm xuống đất một cái rễ lớn khoảng hai thước. Cây trụ chống đỡ tuy bèn trong bị xé nức nẻ song vẫn cón phía ngoài, mọi người cũng chẳng vất bỏ đi. Phía dưới cây có tạo dựng tinh xá, trong đó có một tôn tượng Đức Phật ngồi, các hàng Đạo tục thảy đều kính ngưỡng không chán mệt.

Phía trong Thành lại có xây dựng một tinh xá phụng thờ cốt răng Đức Phật, đều dùng bảy vật báu mà làm nên, vua tịnh tu phạm hạnh, tâm tánh dân chúng trong Thành kính tin cũng rất chí thiết. Nước đó từ lúc lập pháp trở lại không có nạn đói kém tan tóc loạn lạc, trong kho lẩm của chúng Tăng có lắm nhiều châu báu ngọc ma ni vô giá. Vua đó vào trông xem trong kho của chúng Tăng, thấy ngọc ma ni liền khởi tâm tham, muốn đoạt lấy, ba ngày sau mới tỏ ngộ, liền đến trong chúng Tăng cúi đầu đảnh lễ chí thành sám hối tâm tội trước đó. Nhân đó thưa bạch chúng Tăng rằng: "Xin chúng Tăng nên lập chế định từ nay chở về sau chớ cho vua vào nơi nhà kho trông xem, các vị Tỷ Kheo phải từ bốn mươi tuổi hạ trở về sau mới được vào nhà kho của chúng Tăng." Trong Thành đó có nhiều cư sĩ Trưởng giả, Tát Bạt thương nhân sinh sống, nhà cửa rất tráng lệ, đường sá ngỏ ngách bằng phẳng. Ở ngã tư đường lớn đều tạo dựng nhà giảng pháp. Mỗi tháng những ngày mồng tám, mười bốn, rằm, thiết bày tòa cao, các hàng Đạo tục bốn chúng Đệ tử Phật đều nhóm tụ nghe giảng pháp. Người ở nước đó nói có khoảng sáu vạn vị Tăng, đều có chúng thực. vua riêng cúng dường trong Thành khoảng năm sáu ngàn vị. Chúng Tăng cần gì cứ trì Bát vào Thành để nhận lấy tuỳ Bát chứa đựng thảy đều đầy đủ mà trở về.

Mỗi năm, trong khoảng tháng ba thường nghinh thỉnh cốt răng Đức Phật ra khỏi cúng dường. Trước lúc chưa nghinh thỉnh khoảng mười ngày, vua trang sức một con voi lớn, sai người có khả năng tài giỏi nói

năng mặc y phục của vua cưỡi trên mình con voi ấy đánh trống xướng rằng: "Bồ-tát suốt ba A Tăng kỳ kiếp tu hành không tiếc lận thân mạng, đem quốc thành vợ con, móc mắt cho người, lóc thịt để cứu chuộc chim Bồ Câu, cắt đầu để bố thí, ném mình cho hổ đói ăn, chẳng tiếc tuỷ não, tu hành các hạnh khổ như thế đều vì chúng sinh nên thành quả Phật. Trụ thế mốt bốn mươi lăm năm giảng pháp giáo hóa, khiến người không an được an, người không được hóa độ trở thành hòa độ. Đến lúc chúng sinh hết duyên, Đức Phật muốn nhập Niết Bàn. Từ khi Đức Phật nhập Niết Bàn trở lại nay đã trãi qua một ngàn chín mươi bảy năm, mắt sáng của thế gian bị dứt mất, chúng sinh buồn khổ lâu dài. Mười ngày sau cốt răng của Đức Phật sẽ nghinh đón đến tinh xá núi Vô Uý. Các hàng Đạo tục khắp trong nước, ai muốn gieo trồng phước đức, mỗi mỗi nên tự sữa sang đường sá, chỉnh trang cửa nẻo, thiết bày các thứ hương hoa để cúng dường." Xướng rao lời ấy rồi, cặp theo hai bên đường đi, vua sai bảo làm năm trăm thân hình Bồ-tát từ trước trở về biểu hiện các thứ. Hoặc làm thân hình Thái Tử Tu Đại Noa, hoặc làm thân hình diệm biến, hoặc làm thân hình vua chúa, hoặc làm thân hình nai ngựa... các hình tượng như thế đều được họa vẽ nghiêm sức, tướng trạng như người sống. Sau đó, mới nghinh thỉnh cốt răng của Đức Phật ra theo giữa đường mà đi. Men theo dọc đường cúng dường đến trên Phật đường ở tinh xá Vô Uý. Các hàng Đạo tục nhóm tụ đốt hương chong đèn làm mọi Phật sự mất đem ngày không ngưng dứt, trãi qua ba tháng mới nghinh thỉnh cốt răng của Đức Phật vào lại tinh xá trong Thành. Nơi tinh xá trong Thành đến ngày trai thì mở cửa kính lễ đúng như Pháp.

Từ tinh xá Vô Uý hướng đông đi khoảng bốn mươi dặm có một quả núi, trong núi đó có một ngôi tinh xá tên là Chi (Bạt) Đề, có khoảng hai ngàn vị Tăng cùng ở. Trong chúng Tăng cò một vị Sa-môn Đại đức tên là Đạt Ma Cù Đề, dân chúng trong nước thảy đều kính ngưỡng. Ngài Đạt Ma Cù Đề ở reong thạch thất suốt bốn mươi năm, thường hành từ tâm, hóa cảm các loài rắn chuột, khiến cùng chung sống một nhà mà chẳng hề tổn hại nhau. Cách Thành khoảng bảy dặm đi về hướng nam có một tinh xá tên là Ma-ha Tỳ Khả La, có ba ngàn vị Tăng cùng sống ở đó, có một vị Sa-môn cao đức, giới hạnh rất thanh khiết, dân chúng trong nước đều nghi Ngài đã chứng quả A-la-hán. Đến lúc sắp thị tịch, vua nước đó đến hầu thăm, y cứ theo pháp nhóm tập chư Tăng mà hỏi ngài: "Tỳ-kheo đã đắc Đạo quả ư?" Ngài bèn như thật mà đáp: "Thật đã đắc quả A-la-hán." Thế rồi sau khi thị tịch, vua bèn căn cứ theo kinh luật đúng như pháp mà an táng La Hán, nên cách phía đông tinh xá

khoảng bốn năm dặm nhóm chất cây củi lớn tốt rộng thoáng khoảng hơn ba trượng, cao cũng gần vậy. Phái trên chất các thứ gỗ hương trầm Thủy Chiên Đàn, bốn phía đều làm như thềm cấp, phía trên lại trãi bông tơ trắng mới sạch, bao bọc chung quanh, làm chiếc kiệu lớn sàng kiệu tựa như xe mềm mại chỉ không có các thứ cá rồng. Đến lúc Trà-tỳ, vua cùng bốn chúng nhân dân trong nước đều nhóm tập dùng các thứ hương hoa để cúng dường, từ nơi kiệu ra đến chỗ Tháp mộ, vua tự tay cúng dường hương hoa, cúng dường xong,đặt kiệu lên trên sàng củi dùng dầu tô rưới chung quanh, sau đó mới châm lửa. Lúc lửa cháy rực, mọi người với tâm thành kính mỗi tự cởi bỏ các thứ y phục quý giá và vũ nghi tán lọng từ xa ném vào trong lửa để hỗ trợ Trà-tỳ. Trà-tỳ xong, thân nhặt lấy di cốt, tạo dựng Tháp để cúng dường.

Ngài (Pháp Hiển) đến nước đó thì vị La Hán ấy không còn tại thế, chỉ thấy tang lễ an táng, khi đó vua rất sùng tín Phật Pháp, muốn vì chúng Tăng mà tạo dựng tinh xá mới, trước tiên thiết Đại trai hội, cúng dường chư Tăng thọ trai xong, mới chọn một cặp trâu bò béo tố khoẻ mạnh nhất, đem các thứ vàng bạc vật báu trang sức trên sừng, làm lưỡi cày bằng vàng tốt đẹp, vua tự cày xới khai khẩn khuôn viên bốn phía thành quách, sau đó mới cắt cấp ruộng vườn cho hộ dân, dùng quyển sắt để ghi chép đó. Từ đó trở về sau, đời đời nối tiếp không ai dám cải đổi.

Khi ở tại nước đó, Ngài (Pháp Hiển) nghe Đạo nhân người Thiên Trúc ngồi trên tòa cao đọc tụng lời kinh rằng: "Bình Bát của Đức Phật vốn ở Tỳ Xá Ly, nau hiện ở tại Kiền Đà Vệ, cuối cùng qua mấy trăm năm (Lúc ngài nghe đọc tụng có định rõ số năm, nhưng nay đã quên mất), rồi sẽ đến phía tây ở nước Nguyệt Chi, trãi qua mấy trăm năm rồi sẽ đến nước Vu Điền, trãi qua mấy trăm năm rồi sẽ đến nước Quật Tỳ, trãi qua mấy trăm năm rồi sẽ đến nước Sư Tử, trãi qua mấy trăm năm rồi sẽ đến nước Trung Hoa, trãi qua mấy trăm năm rồi sẽ trở về lại Thiên Trúc, và sẽ lên cung trời Đâu-suất. Đức Bồ-tát Di Lặc trông thấy mà tán thán rằng: "Bình Bát của đức Thế Tôn Thích-ca văn đến." Và bèn cùng các trời cúng dường hương hoa suốt bảy ngày, qua sau bảy ngày, Bình Bát trở lại Diêm Bồ-đề, Vua rồng ở biển nghinh thỉnh vào cung rồng. Đến lúc Di Lặc sắp thành Đạo, Bình Bát trở lại phân làm bốn và trở lại trên núi Át Na. Sau khi đức Di Lặc đã thành Đạo, bốn vị Thiên Vương lại nghĩ nhớ Đức Phật như Phật pháp xưa trước. Ngàn khi Phật pháp trong thời hiền kiếp cùng sử dụng một Bình Bát ấy. Khi Bình Bát ấy nghinh thỉnh đi rồi thì Phật pháp dần giảm diệt. Sau khi

Phật pháp giảm diệt, thọ mạng con người dần ngắn lại, cho đến tuổi thọ chỉ còn năm năm. Lúc tuổi thọ có năm năm, lúa thóc tô lạc đều biến diệt, dân chúng rất ác độc, cầm nắm cây cỏ thì biến thành dao gậy cùng làm thương hại nhau. Trong đó, những người có phước trốn lánh vào ở trong núi, những người ác độc giết hại nhau gần hết rồi, bèn lui tới qua lại với nhau, cùng nói với nhau rằng: "Người xưa tuổi thọ rất dài, chỉ vì quá ác nên làm điều phi pháp, nên tuổi thọ của chúng ta dần ngắn lại như vậy cho đến chỉ còn sống được năm năm. Ngày nay chúng ta phải cùng nhau làm mọi việc lành, khởi tâm từ bi, tu hành nhân nghĩa." như vậy rồi mỗi người tự tu tạo mọi việc nhân nghĩa, tuổi thọ chuyển dần gấp bội, lần đến tám vạn năm. Lúc Đức Phật Di Lặc ra đời, lần chuyển pháp luân đầu tiên là hóa độ những Đệ Tử sống trong Di Pháp của Đức Phật Thích-ca, những người xuất gia, và người thọ trì tam quy ngã giới, thọ pháp bát quan trai, cúng dường Tam bảo... lần chuyển pháp luân thứ hai thứ ba là hóa độ những người có duyên. Bấy giờ, Ngài (Pháp Hiển) muốn ghi tả kinh ấy, nhưng Đạo nhân đó bảo: "Kinh đó không có bản văn, chỉ từ tâm miệng tôi đọc tụng vậy."

Ngài (Pháp Hiển) dừng ở lại nơi đó hai năm, lại tìm cầu được bản luật Tạng Di Sa Tắc, được bộ kinh Trường A-hàm, Tạp A-hàm, được một bộ Tạp Tạng, những kinh luật đó tại Trung Hoa không có. Được các phạm bản ấy rồi bèn chuyên chở trên thuyền lớn của thương buôn có hơn hai trăm người, phía sau buộc kèm theo một thuyền nhỏ, lúc thuyền ra giữa biển gặp phải gian nguy hiểm trở, thuyền lớn bị hư hoại, có được tin lành gió đông hạ dần. Ba ngày sau bỗng gặp phải gió lớn, nước tràn vào đầy thuyền, các thương nhân muốn sang thuyền nhỏ. Người trên thuyền nhỏ sợ người sang lắm nhiều, liền cắt đứt dây lớn. Các thương nhân khiếp sợ vì mạng sống chỉ còn trong phút chốc, lo thuyền nước tràn vào đầy, nên lấy những vật của cải thô nặng ném xuống biển. Ngài Pháp Hiển cũng ném vất các vật quân trì, bồn tắm và những vật khác vào biển, chỉ lo sợ thương nhân vất bỏ kinh tương. Nên ngài chuyên chủ nhất tâm xưng niệm Bồ-tát Quan Thế Âm và quy mạng chúng Tăng ở Trung Hoa, nghĩ nói thầm rằng: "Tôi đi xa tìm cầu kinh pháp, nguyện nhờ oai thần, trở về được đến nơi chốn." Gió lớn cứ dồn dập như thế suốt mười ba ngày đêm bèn tấp đến bên bờ khu đảo nhỏ. Sau khi thủy triều rút cạn, trông nhìn khắp chung quanh thuyền nên vá đắp hoàn bi lại. Từ đó lại tiếp tục đi. Trong biển có nhiều giặc cướp bắt, nếu gặp ắc chẳng an toàn. Giữa biển lớn càng mênh mông không bờ bến nên chẳng thể nhận biết, ở hai phía đông tây chỉ nhìn mặt trời mặt trăng và

các ngôi sao mà đi tới, nếu gặp lúc mưa râm thì bị gió lúa đi cũng không chuẩn cứ. Đang lúc đêm tối chỉ sóng lớn vổ đập loáng thoáng như ánh lửa, gặp phải các loài Thủy tộc như ngoan Đà quái lạ. Các thương nhân hoảng hốt lo sợ chẳng biết đi hướng nào, biển sâu không đáy, lại không chỗ đá dừng trú, đến lúc trời sáng mới nhận biết được hướng đông tây, trở lại theo hướng chánh mà đi, nếu gặp phải đá ngầm thì không còn đường sống. Như vậy trãi suốt chín mươi ngày mới đến được một nước tên là Da Bà Đề. Ở nước đó có hàng ngoại Đạo Bà-la-môn rất hưng thạnh, Phật pháp chẳng có đủ trăm nhà.

Dừng ở lại nơi nước đó năm tháng, Ngài (Pháp Hiển) lại theo thuyền lớn của thương nhân khác để đi, trên thuyền có hơn hai trăm người, lương thực mang theo ăn dùng trong vòng năm mươi ngày, phát xuất từ ngày mười sáu tháng bốn, Ngài an cư tại trên thuyền đó, theo hướng đông bắc để đi về Quảng Châu. Trãi qua hơn một tháng trời, có hai lần gặp phải gió dữ mưa bão, các khách thương buôn bán đều khiếp sợ, khi ấy Ngài (Pháp Hiển) cũng chỉ nhất tâm xưng niệm Bồ-tát Quan Thế Âm và cầu nguyện chúng Tăng ở Trung Hoa, mong nhờ oai thần gia hộ. Khi đã đến lúc trời sáng, các Bà-la-môn cùng bàn với nhau rằng: "Bởi vì chở theo các vị Sa-môn này nên khiến chúng ta không tiện lợi, gặp phải khổ nạn này. Nay nên thả vị Tỳ-kheo lại bên cạnh Đảo biển. Không lẽ chỉ vì một người mà khiến chúng ta phải chịu nguy hiểm." Ngài (Pháp Hiển) nhờ có được một Đàn Việt nhờ nói với các Bà-la-môn rằng: "Các ông nếu thả vị Tỳ-kheo này ở lại thì cũng nên thả Tôi ở lại, không như vậy thì hãy giết chết Tôi đi.Nếu Các ông thả bỏ vị Tỳ-kheo này ở lại, về đến đất Hán (Trung Hoa), Tôi sẽ tâu trình với vua việc Các ông làm. vua ở đất Hán cũng rất kính tin Tam bảo sùng trọng Tỳ-kheo Tăng." Các thương nhân bèn do dự chẳng tiện thả bỏ ngài xuống. Bấy giờ trời trãi qua nhiều ngày sẩm tối, thầy tướng trông nhìn biển cả nhận đoán sai lầm, bèn trãi qua hơn bảy mươi ngày, lương thực nước tương muốn hết, nên lấy nước muối biển làm thức ăn, phân chia nước ngọt cho mỗi người được hai thăng, bên khiến muốn hết. Các thương nhân cùng nói với nhau: "Bình thường đi chỉ năm mươi ngày là đến Quảng Châu, nay đã trãi qua kỳ hạn nhiều ngày cũng không đến ư?" Liền theo hướng đông bắc để tìm kiếm bờ bến, trãi qua mười hai ngày đêm bèn đến bờ phía nam Lao Sơn thuộc ranh giới Quận Trường Quảng, bèn có được rau nước tốt lành, chỉ vì trãi qua hiểm nạn lo sợ quá nhiều ngày, bỗng nhiên đến được nơi bờ đó, chỉ thấy rau lê rau hoắc y nhiên biết đó là thuộc đất Hán (Trung Hoa) nhưng chưa trông thấy người và hành tích nên

chứ không biết là tại châu quận nào? Hoặc có người bảo là chưa đến Quảng Châu, có người lại bảo là vượt qua xa. Liền nương thuyền nhỏ đi vào bờ tìm kiếm người vì muốn hỏi xứ đó là đâu, gặp được hai người thợ săn sắp trở về, bèn bảo ngài phiên dịch tiếng mà hỏi Họ. Ngài an uỷ Họ trước rồi chậm rãi hỏi: "Các ông là người ở đâu?" Hai người ấy đáp rằng: "Chúng tôi là Phật tử." Ngài lại hỏi: "Các ông vào núi để tìm kiếm gì?" Hai người ấy liền đáp: "Sắp đến ngày mười lăm tháng bảy, chúng Tôi muốn kiếm sáp đào cúng dường Phật." Ngài lại hỏi: "Đây là nước nào?" Hai người ấy đáp: "Đây là ranh giới của quận Trường Quảng thuộc Thanh Châu, đang trong triều đại nhà Tấn." Các thương nhân nghe nói thế rồi rất vui mừng, liền xin của cải sai bảo người đưa sang quận Trường Quảng. Thái thú Lý Nghi rất kính trọng Phật pháp, nghe có vị Sa-môn mang kinh tượng nương theo thuyền trôi nối đường biển mà đến, liền dẫn người ra tận bờ biển để nghinh đón kinh tượng, trở về đến quận Trị, các thương nhân bèn trở lại Dương Châu để đền Thanh Châu. Mà thỉnh mời Ngài dừng ở lại đó suốt một mùa đông mùa hạ. Đến sau khi mãn Hạ, vì cách xa thầy bạn đã lâu năm nên Ngài muốn trở về Trường An liền, chỉ vì mọi sự mang theo cồng kềnh nặng nhọc, nên bèn men theo phía nam xuống Thanh Đô, đến chổ Thiền sư lưu gởi kinh luật Tạng lại.

Mới đầu từ Trường An, trãi qua sáu năm, Ngài (Pháp Hiển) mới đến nước Trung Ấn Độ, dừng ở lại đó sáu năm. Đến lúc trở về, trãi qua ba năm mới đến Thanh Châu. Phàm các xứ đặt chân đến gần ba mươi nước. Từ phía tây Sa Hà đến tận Thiên Trúc, chúng Tăng oai nghi pháp hóa rất tốt lành, chưa thể trình bày rõ ràng hết cả. Trộn nghĩ chỉ vì chư sư chưa được nghe thấy đầy đủ, vì vậy chẳng đoái hoài mạng sống mỏng manh theo biển trong sạch mà trở về, trãi qua đủ thứ gian nan, may nhờ oai linh của Tam Tôn, nên tuy gặp hiểm nguy mà được cứu giúp, nên dùng giấy bút để ghi viết lại những nơi đã trãi qua, muốn khiến các bậc Hiền giả cùng đồng thấy nghe. Lúc đó là năm Giáp Dần (năm bốn trăm mười bốn) tức năm nghĩa Hy thứ mười hai thời Đông Tấn ( ). Ngài đã đến tuổi mừng thọ.

Đến cuối mùa Ha an cư, nghinh đón ngài, các Đạo nhân đã đến dừng ở lại cùng chung suốt trai hội mùa đông, nhân những lúc giảng tập rãnh rỗi, lại hỏi đến những gì trong chuyến du lịch. Người ấy cung kính vâng thuận, nói liền y như thật. Do đó trước kia lược trình bày, lại khuyên khiến ghi tả rõ ràng. Ngài lại tự thuật đầy đủ từ đầu đến cuối. Và tự nói rằng: "Trông nhìn lại kinh Phật tìm cầu được, bất chợt

tim rung động toát đổ mồ hôi, bởi vì giẫm trãi qua mọi thứ nguy hiểm, chẳng tiếc hình hài thân mạng, do vì chỉ có còn được chuyên sự ngu thẳng nên ném mạng vào chổ chết để đạt được ước mong trong muôn một. Do đó mà cảm thán." Người ấy cho là xưa nay hiếm có, từ khi Phật pháp lưu truyền đến Trung Hoa, chưa có người nào vì mong cầu giáo pháp mà quên thân mạng như Ngài, sau đó mới biết thật điều cảm chẳng cùng chăng mà chẳng thông, điều giúp đỡ của chí nguyện không công nghiệp mà chẳng thành. Thành đạt công nghiệp đâu chẳng do quên mất điều trọng, trong điều quên mất ấy ư?

■